

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẠP-CHÍ

NHỮNG NGUYÊN-YẾNG CỦA DÂN AN-NAM (1)

HÀN-THU

Phạm những vấn-đề chính-trị ở Đông-Pháp trong mấy năm gần đây đã khiến cho người Pháp cũng như người Nam ta phải để ý tới, đều là những vấn-đề do ở nước Việt-Nam, dân Việt-Nam, mà mới có. Nước ta là nước về phương-diện nào cũng quan-trọng hơn các nước khác ở giải đất Đông-Pháp. Nước ta lại là nước thống-nhất, hợp-nhất; dầu bề ngoài thì phải phân-biệt hẳn xứ Nam-kỳ thuộc-địa của nước Pháp, theo chính-sách trực-trị, và xứ Trung-kỳ là xứ Bảo-hộ, lại đến xứ Bắc-kỳ, cũng là xứ Bảo-hộ, nhưng chịu ảnh-hưởng của nước Pháp một cách mật-thiết, cái ảnh-hưởng đó đã hiện ra rất rõ-ràng trong cách cai-trị lại thấm-nhuần sâu-xa vào trong dân-tâm; song dù có ba kỳ và ba chính-sách cai-trị mặc dầu, ta phải không quên rằng: chỉ có một nước Nam mà thôi.

Có người Pháp nói rằng: Chủ-nghĩa quốc-gia của người Nam-Việt là một chủ-nghĩa mới đặt bày ra, quốc-gia đó chỉ có ở đầu lưỡi một vài người trong mấy đảng phái học chính-trị đã được cái tư-tưởng quốc-gia trong những sách của người Pháp, rồi muốn đem dùng

cái chữ « quốc-gia Nam-Việt » mà che những sự hành-động khả-nghi. Lời bình-phâm đó, hoặc cố-ý hoặc vô-tình, cũng là làm mà làm tự cái gốc sau này mà ra: lòng ngờ-vực những người thanh-niên Nam-Việt theo Tây-học. Ngờ thanh-niên tây-học, chỉ vì bọn này có trí suy-xét phâm-bình, không như nhiều nhà Nho cổ, đối với mọi việc thường nhắm mắt tin vào số-mệnh, và chịu nhấn-nhục, để ai dắt đi đâu cũng vâng lời mà đi.

Ý-tưởng đó kỳ-thực rất sai, có nhiều chứng-cớ hiển-nhiên rằng nước Việt-Nam có đủ tính-cách một quốc-gia, dân Việt-Nam có đủ tính-cách một dân-tộc. Xem như tiếng nói của người An-Nam, chỉ có một thứ tiếng; dù trong ba kỳ giọng nói có khác, nhưng đó là theo lẽ tự-nhiên ở nước nào cũng vậy, tiếng nói thay đổi tùy theo những thói-quen, những sự cần riêng ở một xứ; song một người An-Nam ở Bắc-kỳ, một người An-Nam ở Trung-kỳ và một người An-Nam ở Nam-kỳ, nói chuyện với nhau, cần gì phải có thông-ngôn mới hiểu được nhau đâu?

(1) Nguyên-văn bằng chữ Pháp, đã đăng ở tạp-chí *Vu*, Paris và ở phần chữ Pháp của *Nam-Phong* ngày 1^{er} Mai 1934.

Cái quan-niệm của người An-Nam về tôn-giáo cũng chỉ có một, từ Bắc chi Nam; quan-niệm ấy lấy sự thờ-phụng tổ-tiên làm trung-tâm-điểm, rồi gồm cả lòng tín-ngưỡng vào những đạo Phật, đạo Lão; song không bao giờ trong lịch-sử An-Nam có những sự chia rẽ vì tôn-giáo, người An-Nam bao giờ cũng trọng sự tín-ngưỡng của người khác và không bao giờ mê-mán vì một tôn-giáo mà bạo-động.

Lịch-sử nước Việt-Nam lại là một chứng-cớ hiển-nhiên rằng: nguyện-vọng của dân An-Nam bao giờ cũng vẫn theo đuổi có một mục-đích: đã thành một quốc-gia, một dân-tộc, thì đừng bao giờ để cho quốc-gia đó mất, dân-tộc đó tan. Không cần phải dẫn những cái ví dụ, ai này đều đã biết lòng ái-quốc của người An-Nam đã nhiều phen tỏ mặt, chống lại với cái chính-sách đế-quốc của nước Tàu khi xưa.

Vả lại thử hỏi bất cứ một người nhà quê nào, dù ngu dốt đến đâu, người ấy cũng không tự xưng rằng: «Tôi là người Bắc-kỳ, hay Trung-kỳ, hay Nam-kỳ», người ấy bao giờ cũng nói: «Tôi là người An-Nam».

Nhưng trong bài này ta sẽ riêng nói về hai xứ Trung và Bắc-kỳ. Còn như Nam-kỳ, tuy hiện nay đang phải đối-phó cùng nhiều hiện-tượng đang lo về phương-diện kinh-tế, song về chính-trị thì cuộc sinh-hoạt vẫn bình-thường, theo khuôn mẫu, theo nền-nếp những pháp-luật và chế-độ của nước Pháp đã đem sang và sửa đổi cho thích-hợp với tình hình thuộc-địa. Sau cuộc kinh-lịch của quan Thượng PAUL REYNAUD qua Đông-Pháp năm trước, Nam-kỳ lại được thêm một vị đại-biêu người An-Nam ở Thượng-Hội-ngị các đại-biêu

Thuộc-địa (*Conseil Supérieur des Colonies*).

Riêng đối với hai « kỳ » khác của nước Nam-Việt, đối với Bắc-kỳ và Trung-kỳ, những thời-khắc bây giờ mới thật là quan-hệ; cái lẽ-lỗi và thấy những công-cuộc về mai sau quyết định từ lúc này mà đi. Bắc-kỳ và Trung-kỳ, cũng bị cái nạn kinh-tế nhưng không nguy bằng Nam-kỳ; vì dễ quan-trọng ở hai xứ này, vì thế, là một vấn-đề chính-trị. Hiện nay, Trung-kỳ và Bắc-kỳ đang qua một hồi đổi chính-sách mà những sự đổi thế đó là kết-quả cuộc Hồi-loan của Hoàng đế, sau mười năm du-học, đã trở về làm-chính.



« Cuộc thí-nghiệm vì Bảo-Đại Hoàng-đế »

Một nhà làm báo Pháp, ông ALEXANDRE SILBERT đã sang ở Đông-Pháp trong hai năm và đã được trông thấy cái buổi đầu của đức Thanh-niên Hoàng đế trong việc chính-trị, đã gọi cuộc du-học, cuộc hồi-loan những sự cải cách của Ngài là « một cuộc thí-nghiệm » (Độc bài: *Retour d'Empereur et Réformes en Annam*, của tác-giả đã xuất bản trong *Chính-trị học Tạp-chí, Revue de Sciences Politiques, Paris, Annuaire — Juin 1933*). Số-đĩ gọi là một cuộc thí-nghiệm vì cái kết-quả của thời-đoạn này, cũng như cái kết-quả của một cuộc thí-nghiệm, tuy người thí-nghiệm đoán trước được, song không phải không có thể có những sự bất-ngờ. Cuộc thí-nghiệm này, rất quan-trọng; có cái chính-sách cai-trị của nước Pháp trước vẫn thực-hành ở nước Nam, dần dần có thể đổi hẳn từ nay.

Từ trước tới nay, chính-sách cai-trị của Bảo-hộ vẫn là một chính-sách can-thiệp càng ngày càng mất-thiết hơn trong các việc nước việc dân An-Nam; đối với sự can-thiệp đó, chính dân An-Nam cũng lấy làm vừa ý và yên-miền. Chính-phủ, vì đã được thấy rõ ràng quan cai-trị Pháp trị dân, có kết-quả hay.

Sở dĩ phải can-thiệp một cách mất-thiết như vậy, chính là hợp với điều-ước ký ở Huế ngày 6 Novembre 1925, giao quyền cai-trị cho Chính-phủ Bảo-hộ trong khi đức Hoàng-đế vắng mặt vì ngài phải đi du-học.

Nay Kim-thượng đã hồi-loan, thì điều-ước trên kia tự phải hủy bỏ, Chính-phủ Pháp gần như là tất-nhiên phải bỏ buộc khuyến-hường về một chính-sách nào để quyền cho Kim-thượng và Nam-triều, trước hết tại Trung-kỳ, sau nữa sẽ đến Bắc-kỳ.

Chính-sách mới đó, có phải là « thoái-bộ » hay là « giảm quyền bảo-hộ » chăng? Hoặc có « ràng buộc người ta sẽ coi là « thoái-bộ » coi là « giảm bớt quyền bảo-hộ » chăng? Đó là câu hỏi ta phải giải-quyết.

Nguyện-vong của người nhà quê An-Nam

Những nhà làm việc chính-trị ở Đông-Pháp, dù người Nam, dù người Pháp, thường ít khi biết đề ý đến những người dân quê nghèo-khổ sống nấp ở sau những lũy tre xanh.

Coi thường bọn dân quê như vậy, có lẽ cũng không phải là không chính-dáng chăng?

Này ta cứ ngẫm xem những nét mặt

li-li khó hiểu, những bộ quần áo những lối cũ-củ cứng-cỏi và hủ bại, bao nhiêu năm vẫn chẳng đổi thay, thì ta không khỏi có một chút lòng thương, dù chẳng nói ra. Ta tự hỏi ta rằng: có lẽ nào ở trên mặt quả địa-cầu này, hãy còn có một thứ người chậm trễ như vậy dù? Bỏ thân vào những tư-tướng sai lầm, những lễ-nghi cũ-kỹ, mà vẫn « khư khư mình buộc lấy mình vào trong »; chẳng khác nào mặc cái áo the thâm thì cứ nhất định mặc that giải, dù ở nơi thành-thị người ta đã quen mặc ngắn đi, để cử động dễ dàng hơn, để về người thêm hoạt-bát; lại cái búi tóc, lại cái thắt lưng lụa cũng đều lấy dây làm quốc-tuy quốc-hồn. Sống thì sống một cách rất thâm hại, nhưng đi kiện và lễ-tiền cho các quan tham thì vẫn có tiền. Trong một năm có việc làng, đếm trong ba trăm người, họa có mười người không mặc áo rách, nhà ở thì âm-thấp, bàn thiu, đóng thì rết bọ thì nóng như thiên nhưng chẳng biết lo đến sự ấm no của mình, chỉ khỏe lè-nhè đem cái hơi men ra mà bàn tán những chuyện ăn trên ngồi chốc, chỉ chịu khó vay lãi nặng phẩn để nhét đầy túi tham những kẻ tham. Ấy cứ ngẫm cái quang cảnh ấy thì ai mà chẳng phải nghĩ rằng: « Thôi, mặc kệ, ai bảo được họ? » Một bọn bình dân trình-độ còn quá thấp như vậy, phỏng còn có nguyện-vong gì được?

Nếu ai nghĩ thế, thì thật là làm to.

Phải, người dân quê An-Nam chỉ biết sống trong lũy tre xanh, mà ngoài lũy tre xanh ra thì không còn có hiểu một chuyện gì; người dân quê An-Nam cũng như dân quê các nước, biết yên-miền ruộng đất của mình, nhưng tiếc thay, cái quan-niệm về gia đình

và tư-lợi lại rất sai lầm cho nên có thể làm những việc dè hèn, nào vu-cáo nào nặc danh đầu thư, hoặc những việc ngu dại, như đem đồ vật đem tiền nong lễ quan, dù quan chẳng đòi lễ cũng cứ lễ cho thỏa cái máu hay đi kiện; phải, dân An-Nam ở thôn-quê trình-dộ kém, song đó là tại những người hưởng đạo của dân, tức là bọn kỹ-mục, hiện nay chưa tiến-bộ được tới một bậc đề hiểu rõ bần-phận mới trong xã-hội mới, nhưng đã mất hết những kỹ-cương cũ nó đã làm căn-bản bền chặt cho các làng cũ.

Dân An-Nam dù đi chậm, dân An-Nam dù chưa khai-bóa, song đã là dân, đã là người, thì vẫn có nguyện vọng, hoặc rõ ràng, hoặc chưa được phát biểu rõ ràng hẳn mà thôi.

Đối với Chính-phủ Bảo-hộ, dân quê Nam-Việt vẫn có lòng kính mến, vì đã thấy, vì đã hiểu rằng : quan Công-sứ Pháp, đối với họ bao giờ cũng vẫn là người che chở cho họ khỏi bị những lạm : ta thường được nghe nhiều người, có khi chính là người trong quan trường, công nhận rằng trong một đôi tỉnh ở Bắc-kỳ, bẽ có quan Sứ nào mà các quan An-Nam phần nhiều phải kêu là « khó chịu », thì là dân được nhờ quan Sứ ấy.

Đối với Pháp-học, dân-quê Nam-việt bây giờ không còn ngờ-vực như xưa. Dân ta vốn bản-tính vụ-thực, không ưa lý-thuyết, cho nên đối với sự đào-thải của đạo Khổng, cũng không ưa-thán. Trái hẳn lại, họ thấy có ít trường Pháp-Việt ở chốn hương-thôn, lại lấy làm bất-mãn. Ở nước ta, vốn từ xưa, việc học rất phổ-thông, những thầy đồ mở trường rất tự-do, cho nên bây giờ thấy sự mở trường khó khăn

hơn thì dân quê không hiểu tại sao Chính-phủ lại hạn-chế. Nếu bảo lại những nghề vệ-sinh, như nhà trường phải ở chỗ cao-ráo và đủ rộng-rãi v. v.. thì họ không lấy thế làm phải.

Đi học chữ Tây, tốn kém hơn ngày xưa đi học chữ nho. Tuy vậy, dân quê vẫn cố gắng cho con cháu theo học được một vài chữ Tây.

Nhưng nếu Nhà-nước định lệ mới để cho những người nào có bằng-cấp sẽ được một đôi chút quyền-lợi, dù chỉ là quyền-lợi về tinh-thần như là danh-vị ngôi-thứ trong làng, hay là làm hương-chức, thì hẳn là dân-quê bằng lòng hơn.

Nguyện-vọng của các kỹ-lý An-Nam

Dân thì như thế ; quyền của họ họ không biết, mà nghĩa-vụ của họ họ cũng không hay.

Còn kỹ-lý là người ở trên dân một bậc, thì sao ?

Ông kỹ-lý, hoặc vì có chút kiến thức, hoặc vì có tài giao-thiệp hay có tiền để mua chuộc danh-vị hay mua chuộc lòng người và phiếu bầu, mà làm nên « kỹ-lý » ; nhưng đầu làm kỹ-lý, cái bản-tính vẫn là bản-tính người dân quê, nghĩa là người dân có bao nhiêu nết xấu thì ông kỹ-mục, ông hương, ông lý vẫn có bấy nhiêu nết xấu, mà người dân còn giữ được bao nhiêu nết tốt thì vị tất ông kỹ-mục, ông hương, ông lý có còn giữ được bấy nhiêu nết tốt.

Cuộc sinh-hoạt của một làng An-Nam thường chỉ hết sự hà-lạm này đến sự hà-lạm khác. Những cúng cớ lễ, những thụi cùng sôi. Hễ nhà nào có một công việc gì cần đến hương

chức phải can-thiệp vào, ấy là lại phải có bữa chè bữa chén cho kỳ-mục; kỳ-mục lại còn hay tranh lấy phần hơn trong khắp các việc làng.

Người ta đã bảo rằng : « Bọn kỳ mục và hương-chức là phải thủ-cự, nếu thủ-cự nghĩa là gìn giữ lấy những sự hỗn độn bối rối mà có lợi riêng cho họ »; nói vậy không phải là không đúng.

Dẫu thế người kỳ-mục và hương-chức vẫn là người mới-giới cần phải có ở giữa quyền cai-trị dù của quan Tây hay của quan An-Nam và dân chúng. Vậy phải làm sao cho cái óc người kỳ-mục đổi mới đôi chút; hoặc phải làm sao cho trong bọn kỳ-lý ngày càng tăng thêm số người kỳ-lý thanh-niên có chút học-thức mới.

Vấn đề đó tuy khó giải nhưng cũng có thể giải được.

Cứ hiện tình bây giờ, thì những bạn thanh-niên có chút học - thức mới, ở chốn thôn-quê chẳng ra gì cái chức hương-lý, bởi vì họ biết rằng « có một cái hố sâu » ngăn đôi hai phái thanh-niên và kỳ-lý cũ, thanh-niên nếu ra làm kỳ-lý thì càng muốn tổ-chức lại việc làng cho có trật-tự, càng thêm đề cho bọn kỳ-nát coi mình là chướng mắt mà tìm cách làm bận đến mình.

Trưởng nhà nước nên xét tìm lấy một cách nào để thu phục phái thanh-niên có Tây-học ở thôn-quê vào làm kỳ-lý. Đó là một cách vừa làm thỏa lòng những cha mẹ học-trò ở chỗ hương-thôn (xem đoạn trên, nói về nguyên-vọng người binh-dân nhà quê)

vừa lấy thêm được nhiều người giúp việc sẽ tận-tâm đối với những việc cải-lương.

Nguyên-vọng của các quan An-Nam

Quan An-Nam xưa nay đã đeo mãi cái tiếng là « hay ăn tiền ! ». Đáng buồn thay, mà buồn nhất là bây giờ tuy có hai phái trong quan-trưởng, một là những nhà cựu học hầy còn lại, hai là những nhà tân-học chân Cao-dẳng hay caên Cử-nhân, Tiến-sĩ tân-học xuất-thân, song quan tân-học mà đến lúc ăn tiền thì ăn cũng chẳng kém gì quan cựu-học !

Nhưng đứng về phương-diện quyền cai-trị của chính-phủ mà nói, thì các quan An-Nam, — nhất là ở Bắc-kỳ, quyền bỏ-dụng do ở quan Thống-sứ (1), — vốn biết rằng cái quyền của các quan là nhờ vào chính-phủ Bảo-hộ mà mới có, cho nên rất tận-tâm với Chính-phủ.

Còn đối với dân, thì các quan vẫn là tiêu-biểu cho quyền-chính, mà bản-tính của dân An-Nam tự cổ chí lai vẫn có cái nét tối biết kính-trọng những nhà cầm quyền.

Thế cho nên những kẻ phản-đối quan-trưởng mà ước-ao sẽ có ngày quan-trưởng bị bỏ, thật là không thức-thời chút nào: bỏ quan-trưởng sao được? Ngay bên Tây, cũng phải có những quan *Préfets, Sous-préfets*. Bỏ quan-trưởng thì lấy gì mà thay vào? Dẫu lấy gì thay vào cũng không thể có công-dụng được như quan-trưởng.

(1) Theo một đạo Dụ của Hoàng-thượng đặt ra kỳ thi kén chọn các quan cho cả hai xứ Trung Bắc-kỳ, thì từ năm 1935 Triều-dinh Huế sẽ có dự vào sự tuyển-cử các quan cả ở Bắc-kỳ nữa.

Quan-trưởng bây giờ, không phải là không có thể đem câu nói của HAMLET mà than rằng « hình như có đôi chỗ mục nát! » Nhưng trải qua lịch-sử, quan-trưởng đã tỏ cái ích-lợi của quan-trưởng đối với dân nước.

Hiện-tình quan-trưởng sở dĩ đáng buồn, nhiều các quan nói rằng: bởi vì hai nhẽ, mà ta cũng phải công-nhận rằng hai nhẽ ấy rất đúng: một là lương các quan An-Nam rất ít, mà phong-lực của quan An-Nam buộc các quan phải sinh-hoạt một cách khang-trang; hai là: các quan An-Nam nhẽ ra là quan cầm quyền (*fonctionnaires d'autorité*) mà kỳ-thực chỉ được làm những người thực-hành mệnh-lệnh (*agents d'exécution*). Thế mà nếu có xảy ra việc biến-động chẳng hạn, cũng như trong nhiều việc khác, thì trách-nhiệm đổ vào quan An-Nam một phần rất lớn, dù cái quyền hành-dộng đã

công-nhận cho quan An-Nam chẳng có mấy tí.

Nếu theo chính-sách Bảo-hộ « đúng mực », Bảo-hộ y như lời giao-trước giữa hai nước Pháp-Nam, thì sự lũng-quyền cho các quan An-Nam chính là hợp nghi lắm.

Song đối với vấn-đề đó, còn có nhiều phương-diện khác, rất khó-khăn; những sự nhũng-lạm của một vài người quan tham-lam, đã làm cho quốc-dân không có tin nhiệm vào quan trưởng, trừ một vài bậc có danh-vọng ở quan giới. Nói đến lũng-quyền cho quan An-Nam, tô-điểm lại cái cơ-sở cũ-kỹ ấy, thì ít người hoan-nghênh.

(Kỳ sau tiếp theo :

Nguyễn-vọng thanh-niên)

HÁN THU



TA NÊN CẢI-CÁCH LAI LỄ-NGHĨ THÈ NÀO ?



Lễ với nhạc đều là cái của người ta đặt bày ra để làm cho sự sống có văn-vẻ, thêm tôn-nghiêm, thêm thú-vị mà cùng duy-trì, cùng yên-ủi với nhau. Loài người từ lúc bắt đầu tiến-hóa, đầu đầu đều biết bày đặt ra lễ-nhạc. Nhưng vì sự tổ-chức của xã-hội, điều tra-chuộng của tinh-tinh, lúc ban đầu mỗi nơi mỗi khác, nên tinh-thần linh-thức của lễ-nhạc cũng mỗi dân-tộc một riêng. Vả lễ-nhạc của một dân-tộc là do cả một dân-tộc theo ảnh-hưởng của xã-hội, của tinh-tinh chung mà bày đặt ra, tích-lũy đời đời mà thành. Cờ nói : « Thành-nhân chế-tác ra lễ-nhạc » là lời tán-tụng cái công chỉnh-định lễ-nhạc của quân-tướng một thời mà thôi, chứ thực chẳng phải bởi một người nào mà một lúc bày biện ra được.

Từ khi cuộc đời giao-thông, người Á-đông ta được tiếp-xúc với lễ-nhạc Thái-Tây, là thứ lễ-nhạc mà nó không những khác với lễ-nhạc của ta, chính nó có nhiều chỗ khác hẳn cả với lễ-nhạc cũ của người Thái-Tây cổ-thời nữa. Nó do cái công-trình của nền học-thuật mới, nền xã-hội mới của người Thái-Tây hơn 200 năm nay mà sáng-thiết nên. Cho nên nó linh-vi, nó hoàn-bị, nó khoái-hoạt và nó mạnh-mẽ. Đối với cái nguyên-lý của lễ-nhạc khi xưa, nó càng thiết-thực. Nhân đó người Á-đông mới linh-ngộ rằng vấn-đề lễ-nhạc cũng như mọi vấn-đề học-thuật, xã-hội, chính-trị, người Thái-Tây đã canh-tán cả rồi, mà ta vẫn còn thủ-cựu. « Cựu » thì cũ kỹ, hủ-lậu đã cố-nhiên rồi. Song trong cái

« cựu » của ta đó nó lại còn biết bao cái sai-lầm của thế-tục lâu ngày hỗn-tạp vào. Bởi vậy cái nghị canh-cải lễ-nhạc cùng với những cái nghị cải-cách học-thuật, xã-hội và chính-trị đồng-thời sôi-nổi lên khắp một vùng trời tây biển Thái-bình.

Nhưng lại phải biết lễ-nhạc chỉ là cái hoa, mà học-thuật, xã-hội và chính-trị mới là cái gốc. Gốc có cải-tạo thì hoa mới sinh sắc. Vì vậy duy có Nhật-bản được thời được cảnh nên cuộc duy-tân làm được trôi-chảy từ gốc đến ngọn. Còn như Trung-quốc từ bấy lâu đến nay, cái gốc ngày càng lung-lay, thì còn lấy đâu mà nảy nở ra bông hoa mới tốt đẹp được. Thế cho nên bốn năm-mươi năm nay các đảng liên-giác bên Trung-quốc hết sức hô-hào cải-cách, rât hậu bông cỏ, mà lễ-nhạc cũng như mọi cái kia, nào đã có cái gì thay đổi thành ra thể-thống gì. Cho mới biết hoa đẹp phải nhờ ở gốc. Phương-chỉ là ở cái nơi mà linh-thể cảnh-ngộ còn khó-khăn hơn, như là ở Việt-Nam.

Tuy-nhiên, vẫn biết thế, vẫn biết công-cuộc đổi mới lễ-nhạc phải nhờ vào lúc dân-trí đã khai-thông nhiều, không thì cũng phải nhờ vào quyền đôn-đốc khích - khuyến của quốc-gia mới có thể làm được. Song đó là nơi về toàn-thể lễ nhạc của cả một nước, nói về công-việc đổi mới lễ-nhạc ấy mà muốn thực-hành một loạt cho cả một nước kia, thì là như thế thực đó. Còn như những điều tiêu tiết của lễ nhạc

thuộc về phong-tục dân-gian hằng ngày, mà những cái tập-tục tệ-ác ở trong, không những nó làm sai-lạc mất cả nguyên-lý của lễ-nhạc khi xưa, mà nó lại làm thúc-phọc tổn-hại cho thân-gia người ta, thì dù sao mặc lòng không kịp trừ bỏ đi không được. Và việc canh-cải này thuộc về quyền riêng của cá-nhân, người ta có thể tự-do thực-hành canh-cải lấy cho thân mình, cho nhà mình hay là cho chỗ đoàn-thể riêng của mình được, thì ta còn đợi đến ngày nào. Bởi vậy Nam-Phong số 192, tôi đã bàn về vấn-đề cải-cách âm-nhạc ở dân-gian, kỳ này lại xin bàn về vấn-đề cải-cách lễ-nghi ở dân-gian, gọi là góp thêm ý-kiến để những nhà có chí cải-cách những lễ-nghi ở dân gian được rộng đường kén chọn.

Nhưng chúng ta lại phải biết rằng việc chống với phong-tục, nói thì dễ mà làm thì rất khó, phi kể trọng-phụ có chí quả-quyết thì không cần nói được những trở-lực của người ngu quanh mình mà thực-hành đi được. Vậy xin ai đã biết thì tự mình phải làm; đừng có dám nói mà không dám làm, hoặc chỉ xui người ta làm mà thân-gia mình thì vẫn y-nguyên những lối hủ-bại, thì dù khi có quyền đốc-khuyến của quốc-gia, cũng chưa chắc đã làm gì nên.

Trong bài cải-cách lễ-nghi này có ba mục là: Lễ tang, lễ thờ-tự và lễ hôn-phối.

I. — Lễ tang

Chữ « tang 喪 » nguyên là chữ Hán, do chữ « táng 喪 » mà ra. Táng là mất, mất nước, chết mất cha mẹ. Nhưng lễ-văn đối với cha mẹ hoặc người thân nào lúc chết đi đều gọi là lễ tang. Loại người ở đâu đã hơi có chút văn-hóa đều lấy việc tang làm trọng, vì cái cảm-

lòng sinh-ly tử-biệt tự-nhiên nó xui-khiến nên. Cho được tỏ ra cái cảm-lòng thương-xót ấy, tùy giáo-nghĩa, tùy quan-niệm, mỗi dân-tộc đều có bày đặt ra một thứ lễ tang, hình-thức khác nhau mà tình-thần là một. Duy ở Á-đông chế-độ gia-tộc là nền móng của xã-hội. Giáo-nghĩa trong nhân-sinh, luân-lý lấy hiếu làm gốc, cho nên đối với việc tang cha mẹ về cảm-lòng như đau thương giữ hiếu, về nghi-lễ như tế bái chôn cất, đều rất ưu-hậu; do ưu-hậu rồi thành phiền-trọng phiền-trọng rồi thành bắt-buộc, giả-đối hư-văn. Từ ba nghìn năm trước đã thành lưu-lệ, cái tục « hậu táng » lưu-truyền bấy lâu, người ta đã lấy làm chán lắm rồi. Họ Mặc đời Chiến-quốc đã đem cái tục hậu-táng ấy mà đổ tội cho phái nhà Nho, nhưng xét ra nhà Nho chỉ là bon học-giả tuân giữ những lễ-văn cũ ấy mà không biết xướng-nghị thay đổi đó thôi. Thực thì do tự xã-hội đặt bày tích-lũy từ thượng-cổ, chứ cũng chẳng bởi một vị đế-vương thánh-hiền nào sáng-tạo một lúc mà thành như thế được. Song đã có người biết là hại mà không thay đổi được, là vì hoàn-cảnh và tư-tưởng của xã-hội không thay đổi.

Xuống đến đời sau, sang Việt-Nam cũng như ở Trung-quốc, tục hậu-táng lại hỗn-tạp thêm vào những là-thuyết mê-lin những hủ-tục cổ-bàn, khiến cho thành họa-hại mê-hoặc không biết chừng nào!

Đời nhà Lý chịu ảnh-hưởng xuất-thể của đạo Phật, Lý Nhân-tôn lúc làm-chung có đề di-chiều trừ bỏ tục hậu-táng, nói rằng: « Chết là số thường của trời đất, vật-lý đều như vậy. Thế mà người đời cứ hay làm ma to đề hết mất sản-nghiệp, để tang lâu quá đề đến hao-tồn cả tình thường. Những điều đó trầm rất lấy làm không phục. Trầm

đã ít đức, khi trăm mất rồi thì chỉ cho để tang ba ngày mà thôi, còn lống-lảng theo như lối kiếm-ước của vua Văn-đế nhà Hán».

Vua Nhân-tôn phản-đối tục hậu-lảng mà thực-hành ngay cho kẻ đối

lần đối với ngài, còn ngoài ra người ta không dám theo, nên chỗ cốt-yếu của tờ chiếu không hay thực-hành để bõ-ích cho đời được.

Nay đối với cuộc cải-cách tang-lễ, ta chỉ cốt làm thế nào cho giản-dị dễ theo



Mẹ - Không sợ, ông Khóa chống gậy cụ đẩy mà !

Con - Thế con nghĩ là người điên.

với ngài, như thế thực là phải. Dẫu có một điều là cha mẹ chết mà chỉ để tang giữ hiếu có ba ngày, không khỏi bạc tình. Vì thế chỉ có tự-quản theo làm một

và theo cho được đúng như đã định, không để cho người ta phải có chút giả-đối miễn-cưỡng gì, mà cái hiếu-niệm khi xưa vẫn còn.

Đối với việc tang, một điều nên thực hành trừ bỏ trước nhất là những điều mê-hoặc của bọn phù-thủy và những điều nghi-vấn phiền-toái trong sách Thọ-mai.

1) Lúc lâm-chung. — Lâm-chung là cái phút cuối cùng của cha mẹ hoặc người chí-thân của mình cùng mình vĩnh-biệt tức là lúc rất quan-trọng. Cái lúc thương-tiếc bối-rối dễ khiến cho người chủ sự hay sơ-suất. Vậy dù sao kể chủ-sự cũng phải nén lòng để mà lo toan mọi việc cho người sắp qua đời được mọi điều châu-chí. Nghĩa là phải kinh-cần đối với ý-nguyên, đối với di-hải của cha mẹ lúc đó, chứ không phải chỉ lo-toan làm ma chay cho to, để hãnh-diện mình mà gọi là lo việc cha mẹ như hủ-tục thường làm dân. Khi đang hấp-hối phải để cho yên-tĩnh, phải nài hỏi và biến chép lấy lời di-chức là cái ý-nguyên của người chết. Sau khi đã tắt-ngủ phải đặt cho diện-mạo thân-thể người chết được ngay thẳng tề-chính, không được ngáng dũa và bỏ tiền gạo vào mồm. Đồ khám-liệm giản-dị không được bỏ buộc như người bị trói như thói-tục vẫn làm.

Những sự xem giờ làm bùa trừ thần-trúng của bọn phù-thủy tuyệt không nên nghe. Thường cũng có nhà tang lại bị luôn một vài người chết, đó là do bệnh dịch truyền-nhiễm, hoặc sự bất-hạnh ngẫu-nhiên của nhà đó, chứ cũng không có gì là lạ. Bọn phù-thủy bèn lợi-dụng lúc người ta lo sợ ngờ-hoặc ấy, bịa ra là có một thứ hung-thần gọi là « Trùng-tang = Liền-tang » nó làm. Có thể lấy giờ chết với tuổi tác của người chết mà tính ra được. Từ đó họ bèn lập thành ra sách vở để sny-tính và cách làm phù-bùa để chầu yểm. Người ngu liền tin theo, khắp cả nước Tàu và nước

ta cũng còn nhiều người mê-tin. Duy đời Hậu-Lê có Quận-công Trần-Cảnh ở Nam-sách, lúc mất, ông di-chức con cháu đời đời không được mời thầy phù-thủy làm bùa trừng cho người chết. Nay con cháu họ Trần vẫn giữ được lời tổ-huân là không mời thầy phù-thủy trừ trừng, mà họ ấy cũng chẳng thấy ai nói là có xảy ra nạn chết vì thần-trúng bao giờ, thì biết cái gì mà không tin là không có nữa.

2) Việc để tang giữ hiếu. — Chẽ ra một thứ đồ mặc riêng cho người có cha mẹ hoặc thân-nhân chết, để tỏ lòng thương-tiếc trong một thời-kỳ, gọi là để tang. Thứ đồ mặc ấy có pháp-chế định sẵn nên gọi là chế-phục, theo tiếng ta đọc tránh đi nên gọi là « để trở », tức là mang chế-phục. Trong thời-kỳ để tang ấy phải kiêng-ky nhiều điều gọi là « giữ hiếu » (thủ hiếu 守孝).

Trong kỳ giữ hiếu với cha mẹ, cô-giả có nhiều điều cấm-ky quá nghiệt như: lệ đình-gian phải cáo quan về và cấm sinh-dục trong kỳ đại-tang, cấm kết-hôn và làm chủ-hôn, cấm dự tiệc vui mừng v. v. Nay thông-tục chỉ còn giữ hai điều là không được kết-hôn và làm chủ-hôn, không dự tiệc vui mừng mà thôi. Tuy vậy, về khoản cấm kết-hôn trong lúc đại-tang, nếu cứ bắt phải chờ cho hết trở, thì lắm khi lỡ việc lựa đời một đời của con cháu. Nay tưởng nên người đại-tang đã được nửa năm trở ra, mà gặp việc hôn-nhân nào có linh-tiết cần cấp, tưởng nên quyề-nghi cho làm lễ kết-hôn một cách giản-giẽ, nghĩa là không được mở tiệc linh-dinh mừng rỡ mà thôi. Còn như tục thương cho cưới chạy tang trong khi quan-tái tại thượng, làm như thế xét ra có nhiều khi vội-vàng không kịp kén chọn, về sau không khỏi sinh ra

nhiều điều hối-hận; nay tưởng không nên theo tục ấy nữa.

Đến như bộ đồ tang-phục cũng phải nên cải-cách lại. Cỗ-giả chế ra bộ đồ tang-phục để trở cha mẹ một cách tồi-làn là để dạy cho người ta động thêm lòng hiếu-niệm, nhưng không khỏi quá đáng. Cái mũ vòng rơm quấn bẹ chuối, cái áo sớ xấu, lại cái gậy chống để cho người phải lom-khom, trông như một kẻ mới bị điên-dại muốn hủy-hoại cá-dụng-nghi-đi. Nếu bảo rằng như thế là để tỏ lòng đau thương, nhưng như thế cũng chỉ là mới bày ra được cái hình-thức đó thôi. Hiếu với cha mẹ là ở chỗ thực lòng, chứ có ở đâu chỗ phở-diễn bề ngoài. Còn cái gậy là nghĩ rằng cõn-hiền vì khóc thương quá thành gậy yếu phải chống gậy mới đi được. Nhưng ngày nay có kẻ mũ gậy lom-khom mà miệng sặc lên những mùi rượu thịt và thuốc phiện, thì phỏng còn dùng gậy làm gì. Vậy ngày nay tưởng nên bỏ hai cái mũ gậy ấy đi. Một người bạn tôi đã thực-hành bỏ mũ gậy khi đưa tang mẹ, làm đã ngoài 10 năm nay rồi. Trước làng xóm còn chỉ nghĩ, sau cũng cho là

phải. Tang-phụ: thì chỉ nên giữ khăn ngang với áo sớ mà thôi. Giàu nghèo khăn áo đều phải bằng thứ vải ta thô-mộc, hoặc vải thām. Người đã mặc Âu-phục: khi lỏng-chung cha mẹ, cũng phải theo như thế. Tống-chung rồi mới được đeo «băng» thām theo tang-lễ-lây.

Lễ tang lây, không có tang-phục, tống-chung cha mẹ rồi mới chế một cái «băng» thām (1) đeo lên mũ mà thôi. Là người ta lấy rằng mai táng cha mẹ xong thì lòng con cái mới khỏi lo sợ bồi-rối, mới càng nhớ thương mà chế ra đồ để tang. Lại không muốn làm dị-dạng quá để không tiện cho lễ xã-giao với quần-chúng, nên chỉ dùng một cái băng là đủ.

Tóm lại ta chỉ nên giữ lời ngạn-ngữ của tiên-dân để lại là: «Hiếu để bụng» là phải, chứ không nên câu-nệ hình-thức. Và bụng đã không có hiếu thì hình-thức có can-hệ gì.

(Còn nữa)

Nguyễn Trọng-Thuật

(1) Đen là sắc chết, nên lễ lây lấy sắc đen biểu-hiệu cho việc tang.



MỘT ĐẠO LUẬT BẢO-HỘ TẦM-TƠ



Gần đây thứ tơ nhân tạo chế-hóa ngày càng tinh-vi, máy dệt ngày càng khéo-léo, những hàng mặc bằng thứ tơ giả ấy nhập-cảng vào nước ta ngày càng thịnh-vượng. Hàng đẹp giá hạ, mập-mò đánh lặn con đen. Người ta phi là nhà nghề, mấy ai đã có con mắt phân-biệt cho biết vàng thau ngọc đá. Lại gặp lúc nhân-tình sốt-sắng cầu tán, chẳng mới được phần trí-thức âu hăng mới về phần dúng-dấp. Những hàng giả-dối ấy đầu-cơ lại càng được dịp. Bởi vậy mà người ta xô nhau đua nhau chuốc lấy những hàng mặc màu-mè mới lạ, mà kỳ-thực nó là những thứ giả-dối mà không biết. Còn những thứ chân-thực bằng những thứ tơ tầm dai bền, nhưng vì hình-thức chất-phác thì người ta khinh bỏ không thèm dùng tới. Khăn lượt, áo the, quần lĩnh ấy là những hạng trai gái tiêu-biểu cho phái thủ-cựu. Áo sa-tanh, bông-bay, quần cầm-châu ấy là những hạng trai gái tiêu-biểu cho phái duy tân.

Chẳng cần thật hay giả, bền dai hay chóng hỏng, chẳng cần cảm-tình, miễn vừa nhẹ đồng tiền mà khoắc vào người lại ra vẻ một nhân-vật tân-thời, trong cuộc xã giao ai trông cũng phải nể-nang. Như thế thì người ta xô nhau đua nhau cũng là lẽ thường, không lấy gì làm lạ. Bởi vậy mà nay phái phụ-nữ thôn-quê bấy nay ở trong cái nghề hái dâu chần lằm, uơm tơ dệt lụa là cái nghề thủ-công, cái nghề gia-đình kỹ-nghệ còn sống sót trước khi xã-hội ta

chưa thịnh-hành máy móc, cũng chung một số phận thất-nghiệp đáng thương. Mới đây có bài phong-dao tả một người thiếu-phụ kẻ La—nơi chuyên nghề dệt the lụa—đi bán hàng tơ ở thành-phố Hà-nội, đi suốt ngày hàng ế, tối về con đói. Thực đúng cái tình-cảnh khốn-quần của con nhà nghề tơ lụa xứ ta hồi này.

Ý hẳn những nhà dân-biểu bên Thái-Tây đã thấu đáo cái tình-cảnh chung của nhà nghề tầm-tơ ở các nơi trong thế-giới, đã đều bị cái nạn sinh-nhai khốn-quần ấy. Bị cái nghề tơ giả nó đánh đổ nghề tơ thật, không những nó làm tai nạn cho kẻ nhà nghề chế hàng tơ thật, mà nó làm thiệt-hại cho cả những người không tinh mà dùng nó.

Hồi vậy mà ngày 24 Mai vừa rồi, tại Hạ-nghị-viện bên Thượng-quốc, đa-số nghị-viên đã đưa phiếu ưng-chuẩn bản dự-án một đạo luật mới để bảo-hộ cho nghề tầm tơ, đại-khái như sau này:

« Cấm những thứ hàng làm không « loàn bằng tơ lằm, không được lạm « dụng cái tên « hàng tơ lụa » mà đem « nhập-cảng, hoặc mua trữ để bán, hoặc « đem bán. Những hàng có ít ra là nửa « phần tơ thì sẽ gọi tên là thứ hàng có « tơ chộn » (soie mélangée). Các hàng « có dưới nửa phần tơ và ngoài một « phần tơ trọng-lượng bằng tơ lụa thì « lấy tên chất-chính mà gọi tiếp theo « tên « có chộn tơ lụa ». Còn những hàng

« khổ ngang hay chiều dài bằng toàn
« tờ thì đặt lên thứ hàng có « khổ ngang
« hay khổ dài » bằng tờ.

« Khoản thứ hai nói rằng người nào
« gian-trá đánh lừa khách mua hàng
« sẽ phải chiều theo đạo-luật ngày 1er
« Août 1905 và khoản 13 đạo luật ấy
« mà phạt. » (Theo bản-dịch của Phụ-
nữ Thời đàm số 25).

Đạo luật này sẽ đem thi-hành cả các
nơi thuộc-địa, thuộc-quốc của nước
Pháp. Thực là một điều có ảnh-hưởng
lớn về sự chấn-hưng cho công-nghề
lầm tờ trong nước ta hiện nay. Bởi vì
cứ như trong lời luật trên ấy đã nói rõ
thì những thứ hàng bằng tờ giả đã
không được nhập-cảng, mà nhà hàng
trung xứ cũng không được trữ và bán.
Lại những thứ có chộn tờ hoặc pha làm
khổ ngang, khổ dài, đều phải khai minh,
không được lừa khách mua mà nói là
thuần tờ tấm cả như ngày trước. Như
thế thì những hàng thuần tờ tấm mới
giữ được giá-trị của nó. Những hàng
thuần tờ tấm có giữ được giá-trị thì
nghề nuôi lầm, ươm tờ, dệt the-lụa của
bản-quốc mới mong còn vớt-vắt lại
được chút công ăn việc làm.

Tờ nhân-tạo giá đã hạ, nhưng hàng
mặc bằng tờ ấy lại chế-tạo bằng
máy móc vừa khéo vừa chóng, nên bán
rẻ được mà người mua dễ mắc lừa.
Thế mà tờ tấm thì lại tốn nhiều công-
phu, hàng ta lại chế-tạo bằng thủ-công
vừa chậm vừa không được tinh-xảo
cho lắm, giá lại phải bán cao, thì hàng
tờ tấm quyết không thể nào cạnh-tranh
với hàng tờ giả được. Tất phải tới khi
thứ hàng ấy bị cấm hoặc hạn-chế bớt
đi, thì bấy giờ nghề tờ lụa của ta mới
có thể lại khởi-sắc lên được. Vì rằng
hàng ngoài tuy nhờ máy móc nhanh
chóng, nhưng cái vốn tờ tấm đã cao thì

cũng không có thể bán hạ giá như thứ
tờ giả được. Còn hàng ta thì tuy phải
làm bằng chân tay chậm-chạp, nhưng
nhân-công của ta hạ, ta có thể so với cái
giá của hàng ngoài, lấy công làm lãi mà
kiếm được bát cơm. Xem đạo luật trên
đó chúng tôi thực lấy làm mừng cho
các bạn phụ-nữ thôn-quê, con nhà lấy
nghề hái dâu chăn tằm, ươm tờ để
nuôi sinh-mệnh bấy nay.

Chúng tôi biết cái nghề tằm tơ, ươm
dệt ở nước ta, cũng không lấy gì làm
lợi-lộc cho lắm. Nghề đã làm bằng tay
lại lún-mặn ra nhiều các gia-đình, lật-
vật liêu-kỹ, còn lấy dâu mà phát-đạt
được. Nhưng trước khi kỹ-nghệ của
xã-hội mình chưa phát-đạt, số nhiều
bạn phụ-nữ thôn-quê cũng may nhờ
nó mà có nghề-nghiệp thường. Một cái
nghề khéo-léo mà thanh-nhàn, vừa nuôi
được con vừa giữ được nhà. Chờ bấy
giờ kinh-lẽ toàn thế-giới còn đang
khốn quẫn, xã-hội ta lại còn ngặt-
nghèo hơn, nếu mà họ phải bỏ nghề đó
thì họ còn đi làm nghề gì.

Đi buôn bán chăng? Nhưng không
có vốn và biết buôn bán gì bây giờ?

Đi cấy, làm cỏ, cắt rạ chăng?
Nhưng mỗi năm chỉ có mấy ngày mà
việc đó cũng đã thừa người rồi.

Đi làm phu-hồ cả chăng? Nhưng
việc đã ít mà xem cũng nhẽ-nhại cho
cái thân yếu-điều lắm.

Đi làm phu mỏ cả chăng? Việc ít
mà xem cũng quá làm-than cho cái
phận liêu-bồ.

Thế cho nên mỗi khi chúng tôi đội
khăn mặc áo, cũng biết cái áo the, cái
khăn lượt nó không có vẻ mĩ-quan ở
cái đời hoạt-động này, nhưng nghĩ đến
phái phụ-nữ làm-tang phướng-chức
vụng-về khốn-đốn ở chốn thôn-quê, thì

chúng tôi lại phải trung-thành với cái áo the cái khăn lượt này là vì họ. Thực thế.

Tuy vậy, nhưng không có thể nói cảm-tình mãi ở đời tri-xảo và công-lợi này được. Vậy muốn sống về nghề, muốn cho nghề mình sống, ta quyết phải cải-cách để tiến-bộ hơn lên thì mới cạnh-tranh lại được chút lợi.

Thừa dịp này, nghề dệt, nghề nhuộm đều phải hết sức chấn-hưng, mà hai nghề phải cùng nhau hợp-tác để cùng mưu lo cho cùng phát-đạt.

Về nghề dệt, những lối dệt hàng cũ như lương, lĩnh, the, lượt phải làm cho tinh-khéo hơn. Lại tìm cách dệt đủ những thứ mới thanh-nhã để cung cho các kiều nữ-trang tân-thời. Lại dệt lấy

những hàng để may quần áo lấy cùng các thời-trang của dân ông.

Về nghề nhuộm, đem các hàng tơ tằm của ta nhuộm đủ các màu-mè thanh-nhã để cung cho các « mới » tân trang.

Tham thanh chuộng lạ, là thói thường người ta, ở đời phải biết chiều đời, vậy hàng trong cũng phải theo đuổi cho được ít nhiều cái lối-lãng mần-mè mà người đời đang ưa muốn. Thì bấy giờ mới có thể lấy danh-nghĩa « nội-hóa » mà mời chào nài ép khách mua được chứ. Không biết nghĩ tới chỗ đó mà cứ lấy « cảm-tình » làm bùa hộ-mệnh thì là què. Xin các nhà thực-nghiệp, các nhà kỹ-xảo trong nước lưu-ý.

NGUYỄN HỮU-TIẾN



GIA-ĐÌNH GIÁO-DỤC ⁽¹⁾



III

7. — Giáo-dục về điều lễ

Dạy trẻ con, cốt-yếu phải dạy cho nó biết điều lễ. Về điều lễ, thứ nhất là phải dạy cho trẻ con biết cách đối với các bề bực lớn nhỏ. Vậy không những chỉ dạy cho nó đối với cha mẹ, bác chú phải tôn-kính thế nào; đối với anh chị phải hòa-nhượng thế nào, mà chính người làm cha mẹ, khi trước mặt con cái, mình hay nói xấu chú bác nó, thì là mình dạy cho nó không coi chú bác nó ra gì, thì tự-nhiên nó xử vô-lễ với chú bác nó ngay.

Không những thế, muốn cho trẻ con biết hòa-nhượng với anh em nó, thì tự những việc tầm-thường chia quà chia bánh cho con cái cũng phải để ý, cho đứa là anh là chị trước rồi mới cho đến đứa là em. Quà to thì phần đứa anh đứa chị, quà nhỏ thì phần đứa em, đó là dạy cho con trẻ biết cái đạo bề-bực lớn nhỏ. Cha mẹ không lúc nào ở khác cái đạo đó, thì con cái tự-nhiên đối với anh chị nó, nó không dám sai. Đối với chú bác nó, nó không dám sai. Ở trong nhà nó đã không dám sai thì ra ngoài gặp thầy-giáo, bực tôn-trưởng, tự-nhiên nó không dám sai.

— Điều thứ hai phải dạy cho trẻ con biết cách-thức về việc lễ. Tỉ như cất mũ chào là một nghi-thức về sự hành-

lễ bậy giờ. Phải bảo cho trẻ con biết rằng khi cất mũ chào ai, mắt phải trông vào mặt người mà mình chào ấy, thì mới là phải phép. Như không biết dạy cho con biết cách-thức cất mũ chào như thế, rồi gặp ai nó không biết cất mũ chào, hay là có cất mũ chào, nhưng mắt lại nghenh đi chỗ khác, thì cũng lại là không biết lễ. Thế cho nên như dạy con trẻ về việc lễ-phép ấy, phải một mặt mình ra hiệu đề tập cho nó làm thử cái cách-thức ấy đi đã, một mặt thì cất nghĩa cho nó hiểu rõ về ý-nghĩa dùng lễ ấy.

— Điều thứ ba, về điều lễ có nhiều chủng-loại, từ những lúc ngồi ăn cơm, đi ngủ, thức dậy, nói chuyện và đi đường vân vân. Không cứ ở đâu, bao giờ, đối với ai và làm việc gì, đều có lễ-tiết khác nhau. Người làm cha mẹ phải tùy từng nơi từng lúc, tùy từng người từng việc mà dạy bảo cho con cái nhất-nhất từng tí một. Chứ không phải là chỉ dạy cho nó một việc cất mũ, ngả đầu đề chào mà thôi, còn thì tha-hồ mặc nó cứ tự-tiện, muốn làm thế nào thì làm đâu.

8. — Giáo-dục về điều trí

Trí là thông-minh, là trí-thức. Nhiều người dạy trẻ con đều tưởng lầm rằng chỉ có việc nhận chữ và đọc sách là cái

(1) Xem Nam-Phong từ số 193.

co-khí có một không hai để mở-mang thông-minh, tri-thức cho con trẻ mà thôi. Vì thế các người ấy cho rằng đời sự nhận chữ và đọc sách ra, không còn phép gì để mở-mang thông-minh, tri-thức cho trẻ con nữa. Cho nên ngày ngày họ cứ bắt ép con nhận chữ đọc sách, khiến cho đứa trẻ thơ phải ù đầu rối trí. Còn ngoài ra, không cứ việc gì cũng đều không hiểu bảo cho nó, khiến cho đứa trẻ quen tính đi, ngoài sự đọc sách ra, đến con gà con lợn, hột đỗ, hột thóc, nó cũng không biết được cho rõ-ràng. Như thế đều là không biết cách dạy cả.

Phải biết khi trẻ thơ chưa đến tuổi đi nhà trường, thì không nên cho nó nhận chữ đọc sách. Chỉ nên từ khi con lên 2, lên 3 tuổi trở đi, nó đã biết nói thì phải mở-mang thông-minh tri-thức cho nó dần-dần đi. Bắt đầu năm ấy hằng dạy cho nó biết những tên người tên vật. Tỉ như dạy cho nó biết ai là bác, là chú, ai là chị là anh. Cái gì là trè, là cơm, là rau, là thịt. Cái gì là áo, là mũ, vân vân. Nó nhớ qua những cái tên ấy đi rồi, đến năm sau lại dạy lại cho nó biết rằng cùng một cha mẹ sinh ra thì người con trai lớn hơn ta ấy là anh ta, người con gái lớn hơn ta ấy là chị ta. Bác là người anh cha ta, chú là người em trai cha ta. Trè là cây trồng ở trong núi, cơm là do thóc cấy ở ngoài đồng, rau hái ở ngoài vườn, thịt mua ở hàng thịt ngoài chợ, áo để mặc vào mình, mũ để đội lên đầu, vân vân. Nó đã biết tính-chất của từng người từng vật ấy rồi, năm thứ ba lại dạy lại cho nó biết lối với bác chú có đi phải tôn-kính thế nào. Đối với anh em chị em phải a-nhượng thế nào. Trè phải pha nước, nước phải đun sôi. Cơm phải thổi bằng lửa, thổi cho thực chín. Phải rửa sạch sẽ thì ăn mới không

độc, thịt phải nấu kỹ thì ăn mới dễ tiêu, mặc áo phảisock cổ vuốt vạt, đội mũ phải sờ đằng trước đằng sau cho chỉnh. Phạm những việc đối với người và dùng mọi vật như thế, cứ trông thấy người nào vật gì, đều nhắc đến mà dạy.

Dạy cho đứa trẻ thơ nhất-nhất cái gì cũng đã hiểu rõ cả rồi, về sau tùy nơi tùy lúc, gặp người nào, vật nào hoặc việc nào, cũng lại dùng cái phép ấy dạy cho nó biết phân-biệt những cái danh-mục ấy đã, rồi lại dạy cho nó biết phân-biệt những cái tính-chất ấy. Sau rồi lại dạy cho nó cách ứng-dụng những sự-vật ấy.

Chỉ cốt cha mẹ dạy cho con từ ba tuổi đến sáu tuổi, thế là con đã hiểu biết đến mấy nghìn cái danh-mục và tính-chất, cùng là những cách ứng-dụng đối-phó ấy một cách rất dễ-dàng.

Làm như thế không những không phải dạy nhận chữ đọc sách, và trở thẳng ngay vào người ấy, vật ấy, việc ấy mà dạy, so với cách mở sách ra dạy, đứa trẻ thơ lại càng được một cách dễ hiểu dễ nhớ hơn hết, mà nó cũng không thấy khó-khăn khổ-sở chút nào.

Đến như cách cha mẹ chỉ bắt ép đứa bé nhận chữ đọc sách, tiếng tuy là để mở-mang tri-thức cho nó, mà thực thì là một cách dạy đỡ vất-vả cho mình. Cha mẹ đã đỡ vất-vả thì tri-thức của con cũng bị che lấp đi.

Lúc con còn nhỏ ở nhà, tri-thức của nó đã bị tổn-hại đi; đến khi lớn đi học ở nhà trường, có được ông thầy giỏi muốn khai-thông tri-thức ra cho nó, thì cũng phải tổn mất nhiều công-phu mà cũng khó có công-hiệu lớn được.

Lại không nên dùng cách dạy giản-tiện cầu-thả mà lấy cái sự hoang-đường để dọa nạt con. Tục người Việt-Nam

dạy con, nhất là đối với đứa trẻ thơ, hay lấy cách dọa-nạt để dạy bảo cho chóng. Như mượn những người có dáng dữ-tợn, những đứa có hình xấu xa để dọa rằng những người ấy sẽ mổ bụng, cắt tai, cho nó sợ mà nín không dám vờ. Hay là như con ra chơi nắng thì dọa « ông ù » đánh vỡ đầu, nó đòi gì thì dọa « ông ba bị chín quai » sẽ bắt đem đi. Trỏ vào só tối dọa nó là có ma, trỏ ra ngoài vườn dọa nó là có « ngoáo ». Những cách dọa trẻ như thế cũng có khi công-hiệu ngay hơn là đánh đập, vì trẻ-thơ chưa hiểu gì, trông thấy những dáng dữ-tợn, nghe thấy những tên ghê-gớm thì nó sợ mà phải nghe lời ngay. Nhưng đó lại chính là một cách làm hại lớn cho trí-thức của đứa trẻ thơ rồi vậy. Một là gieo cái mầm mê-tin vào óc nó, lớn lên thấy sự gì khó xét một tí là cho rằng có ma quỷ ở trong. Hai là gieo cái mầm hèn nhát vào trong tâm nó, lớn lên thấy người mạnh hơn, cả trọng hơn, hay là kẻ liềm-lĩnh đều sợ hãi trốn tránh, tuy có biết sự phải cũng không dám phản-trần.

Hèn-nhát tuy thuộc về trong điều nghĩa, nhưng thực cũng do ở sự giáo-dục về điều trí không phải phép mà ra. Bởi vì những người hay nhát sợ là những người không đủ trí-thức để phân-biệt cho biết phải trái doan-đích thế nào cả.

Vậy thì dạy trẻ thơ cốt phải chịu khó dỡ-danh giảng-giải cho nó, phải tìm cái lời lẽ gì rất dễ hiểu mà bảo cho nó phải nghe mình mới thôi. Như nó ra chơi nắng, thì ra dắt nó vào, vừa dắt vừa trỏ vào đầu nó mà bảo còn chơi ở ngoài nắng này thì sẽ bị rức đầu mà ốm. Chứ đừng dọa nó « ông ù » đánh vỡ đầu. Lại muốn cho khỏi vờ thì tìm cách chơi gì, cái vật hay gì cho nó

và làm cho nó khuấy đi, chứ đừng mượn người làm ra dáng dữ tợn mà dọa nó. Những sự dọa khác cũng đều không nên dùng.

9. — Giáo-dục về điều tin

Muốn tập cho trẻ thơ nói thật, phải giữ hai điều như sau này: 1^o — Cha mẹ nói câu nào, phải nói cho có sự-lý xác-thực, để cho nó không tin không được. Chứ không nên nói dối, nói những câu không có sự-lý xác-thực, không nói làm có, ít sít ra nhiều, để lừa trẻ thơ, mà bắt nó tin liều. Tỉ như con đang chơi ngoài cửa, cha mẹ muốn gọi nó vào, thì cứ nói cho nó biết rằng vì sao không nên chơi ở ngoài ấy. Hoặc là sợ nắng gió, hoặc là sợ xe ngựa, hoặc là sợ bần-thiểu, không nên chơi ở đó mà phải về trong nhà mà chơi cho mát-mẻ yên-ôn. Như thế là những sự-lý xác-thực cả. Nếu không biết hiểu bảo cho nó như thế, mà lại đi dùng mẹo để lừa nó, bảo « về đây tao cho cái này hay đáo-đẽ ». Nó háms lợi vội chạy ngay về. Vào nhà rồi thì chẳng có cái gì hay mà cho nó. Nó thất-vọng mà chán cha mẹ là đánh lừa nó. Bấy giờ tuy cha mẹ có nói tiếp rằng ở trong nhà mà chơi cho mát-mẻ yên-ôn không bị những điều hại sẽ xảy ra như ở ngoài cửa, thì bấy giờ nó cũng không cho sự nói sau là có sự-lý xác-thực nữa. Bận khác nó lại chơi ở đâu, cha mẹ có cái gì muốn cho nó thực mà gọi, nó cũng không tin mà theo lời ngay. Thế là trẻ con mà không vâng lời cha mẹ cũng là do cha mẹ hay nói dối nó đó mà thôi.

Đời xưa ở bên Tàu có thầy Mạnh-tử là bậc đại-triết. Mẹ thầy người ta gọi là Mạnh-mẫu, bà cụ này rất hiểu phép dạy con thơ. Khi bấy giờ thầy Mạnh còn bé, thấy bên nhà hàng xóm mổ

lợn, bèn hỏi mẹ rằng người ta mổ lợn làm gì. Bà Mạnh-mẫu nói đùa : « Mổ để cho mày ăn đấy ». Lúc ấy chẳng qua bà cụ thuận miệng thì nói ra như thế đó thôi. Sau bà cụ hối lại, tự nghĩ rằng : « Con trẻ nó mới có tri-thức, mà ta nói dối nó, thế tức là ta dạy cho nó cái tính không tin thực đó ». Bà cụ bèn sang nhà hàng xóm mua thịt lợn ấy về nấu cho Mạnh-tử ăn, để tỏ ra lời nói của bà là không phải đánh lừa con cháu.

Coi đó thì biết cha mẹ không có thể nào lừa dối được con. Vì phỏng có khi nào vì cỡ bất-dắc-dĩ mà phải nói dối một chút, thì qua lúc ấy lại phải thực-hành lời nói ấy cho ra hiện-thực. Bởi vậy cha mẹ có hứa cho con cái gì, sự gì, thì phải liệu có thể thực-hành cho nó cái ấy sự ấy được sẽ hứa. Chứ đừng khinh con thơ còn dại-dột mà động việc gì cũng nói dối nó. Cái phép dạy cho con sự tin thực của bà Mạnh-mẫu, chính là cái khuôn phép rất hay của khoa gia-dinh giáo-dục ngày nay.

20 — Thói thường dạy con bé của người Việt-Nam ta có một điều rất dại là thấy con bé nói dối thì cha mẹ lại lấy làm mừng, cho rằng như thế là nó sớm có tri-khôn rồi nó sẽ hoạt-bát. Lại khi nó có lỗi nó đang lưỡng-cuống sợ cha mẹ quở-trách mà cảm-động chực khóc, thì mẹ hoặc bố thương nó, bèn dỗ lời nó mà nói : « Đấy là anh (hay là chị) làm chứ không phải em ». Như thế là, một là dạy cho con tính lém-lỉnh không thực, chứ không phải là hoạt-bát, hai là dạy cho con hèn-nhát không dám nhận lỗi mình lại đổ cho người khác. Hai cái thói dại-dột dạy trẻ thơ ấy đều có hại lớn cho nó và cho xã-hội sau này. Vì một xã-hội đã quen tính không tin thực đi rồi,

thì ai còn dám tin ai, mà có tin ai cũng đều bị lừa cả, nên gần đây bao nhiêu sự-nghiệp công-cộng đều thất-bại là đều do tự người ở trong làm phá hỏng đi. Nay muốn cải-tạo lại xã-hội, trước phải tu-luyện tính-cách, mà nhất là cái tính-cách tin thực, mà phải tu-luyện ngay từ lúc còn trẻ thơ.

Tỉ như có hai đứa con, hôm ấy bỏ buổi học mà cùng đi chơi phố, rồi về đứa em nói với cha mẹ là đi học, còn đứa anh thì thực-thà nói là đi chơi phố, chứ không đi học. Cha mẹ tra hỏi việc ấy cho đích-thực rồi, trước đem cái sự nói dối ấy là bậy mà trách-phạt cho thẳng em một cách rất nghiêm. Trách-phạt rồi mới đem việc bỏ học đi chơi là bậy mà giảng-giải sau.

Lại trước đem cái sự nói thực của đứa anh là hay mà khen ngợi cho nó, rồi sẽ đem cái lỗi bỏ học đi chơi phố là bậy mà hiểu-cáo cho nó, và cho nó được xin lỗi mà tha trách-phạt cho nó.

Như thế là không phải khen thẳng anh đi chơi phố mà là khen biết nói thực. Trẻ con nhân đó biết rằng mình lỡ làm việc gì quấy mà cứ thực-thà nói ra thì được khỏi lỗi. Còn như càng nói dối thì lỗi lại thêm lỗi. Thế là nó biết nói dối là xấu mà nói thực là tốt.

Đời gần đây ở bên nước Mỹ có ông Hoa-thịnh-dồn (WASHINGTON) là bậc đại-anh-hùng lập nên nước Mỹ. Lúc ông còn bé ra vườn chơi lỡ làm gãy một cái cây mà cha rất quý. Cha về hỏi ai làm gãy, Hoa-thịnh-dồn nhận ngay là mình chót lỡ làm gãy. Cha thấy con có đức tin thực, cảm-động quá, ôm con mà hôn và an-ủi mãi. Sau lớn lập nên sự-nghiệp oanh-liệt, cũng là do có tính tin thực từ bé. Coi đó thì biết những đứa trẻ tinh-danh đối-trá gian-giảo có làm nên gì được.

10. — Giáo-dục về cách trừ bỏ thói cầu-thả

Người Việt-Nam ta có một cái thói ngỗ-hầu thành tính tự-nhiên, nó làm rất nguy-hại cho mình là cái thói cầu-thả. Tôi đã từng đem cái bệnh cầu-thả này nói ở bài « Người Việt-Nam » một cách rất chu-đáo và thống-thiết. Tóm lại như mấy câu này :

« . . . Việc gì cũng chẳng có cương-kỷ. Ăn cầu-thả, ở cầu-thả, học cầu-thả, làm cầu-thả. Cái sống cầu-thả, cái chết cầu-thả. Việc bản-thân cầu-thả, việc nhà cầu-thả, việc nước cầu-thả, việc thiên-hạ cầu-thả. . . Trước tướng sênh-soàng cũng được, sau thành cái thế vỡ-lỡ không có thể nào vãn-hồi, phạm việc lớn nhỏ xưa nay đều như thế cả. . . Cầu-thả đã quen thành ra thiên-tính. Uơn hèn, nhút-nhát, bần-thiểu, vụng-về, tham-ó, su-mị, kiêu-ngạo, tàn-nhẫn, phạm những vết xấu đều bởi cái bệnh cầu-thả ấy mà ra. . . »

Nay tôi dịch sách « Gia-đình giáo-dục » này, thấy Chu Khánh-Lan tiên-sinh cũng nói người Trung-quốc sở-dĩ suy bại cũng toàn do ở thói cầu-thả. Thì ra hai dân-tộc cũng cùng chung một bệnh-căn ấy. Vì bệnh-căn ấy mà khiến cho hai dân-tộc đều cùng thua kém trên con đường tiến-bộ hiện-thời. Trung-quốc tuy to, còn giữ được danh-hiệu, nhưng dân-sinh quần-khố cũng không kém gì nước ta. Muốn còn sinh-tồn, đều phải phấn-chấn và hoạt-động. Vậy phải rèn cho trẻ bé trừ bỏ cái bệnh-căn cầu-thả sớm đi.

Theo ý-kiến họ Chu thì như vậy :

Nước sở-dĩ không cường-thịnh, là do người nước làm việc có đầu không có đuôi. Do không giữ qui-củ, không ra sạch-sẽ.

Cao-hưng một lúc thì khoác-lác những lam việc nghĩa nợ kia, nờng-nờng lên như người điên. Thế mà không đến ba ngày thì đã quên bẵng đi mất rồi. Ấy thế là làm việc có đầu không có đuôi.

Đi rần lên một bước nữa thì đến phòng si, đến chỗ ống nhỏ. Nhưng lại đi non lại một bước mà vẩy-vả ra ngoài phòng si, nhỏ dờm dãi ra ngoài ống nhỏ. Ấy thế là không giữ qui-củ.

Một tháng không tắm giặt một lần, một năm không quét nhà một lượt, người-ngợm bần-thiểu, cửa nhà hôi-hám. Ấy thế là không ra sạch-sẽ.

Người ngoài thấy mình làm việc có đầu không có đuôi, nên mới dám khinh mà không coi nước mình là một nước. Thấy mình không giữ qui-củ, không ra sạch-sẽ, không khác gì ngựa trâu, nên mới dám khinh mà không coi người mình là người. Những cái đó đều tự mình làm ra, không nên oán ai. Suy ra cho cùng thì sở-dĩ sinh ra cái bệnh tệ-hại ấy chỉ do ở hai chữ « cầu-thả » mà ra.

Đã cầu-thả thì tinh-thần không hưng-khởi được, lực-lượng không vững-bền được.

Chỉ vì cầu-thả cho nên làm việc gì cũng không nhớ được đến ba ngày. Chỉ vì cầu-thả cho nên biết đích là phải đi bước nữa, mới hợp qui-củ, thì đi non lại một bước cho không giữ qui-củ. Chỉ vì cầu-thả cho nên cho sự tắm giặt quét tước là những việc rất gian-nan to-tát, còn phải suy nghĩ ngày một ngày hai mà chưa làm xong. Vì cầu-thả mà bại-sự như thế, hầu hết mọi người, mà xét ra cái bệnh cầu-thả ấy nó thực truyền-nhiễm từ ngày còn bé mọn kia rồi. Nay cha mẹ đã hiểu biết cái tệ-hại

của cái bệnh cầu-thả ấy, thì phải dạy bảo mà chữa sửa đi cho con cái.

Như lúc đưa trẻ ăn cơm, trong bát nó còn sót lại vài ba hạt, phải bắt nó và lại mà ăn cho hết sạch đã mới được bỏ bát đĩa xuống. Như lúc đưa trẻ viết một cái bài, đầu bài nó viết ngay-ngắn rõ-ràng, cuối bài nó viết quấy-quá. Hoặc đầu dòng tề-chính, cuối dòng tháu lộn lên. Thế thì phải bắt nó viết lại từ đầu đến cuối cho chỉnh-dốn đều một lượt. Ấy thế là cái cách cấm-chỉ đưa trẻ làm việc có đầu không có đuôi đó.

Khi đưa trẻ quét tước thường không quét sạch những chỗ góc nhà, gầm bàn, thì phải bắt nó quét lại. Khi nó mặc áo, áo ngoài phẳng-phiu mà áo trong cộn lên thì bắt nó phải mặc lại. Ấy thế là cách cấm-chỉ nó làm việc có đầu không có đuôi, coi qua mặt ngoài mà không xét kỹ mặt trong đó.

Bắt nó phải lấy khăn tay lau mũi dãi mà không được chùi ngang vào tay áo. Lúc ngủ bắt nó phải vào giường, không được nằm phục ngay ở chỗ ghế ngồi. Ấy thế là phép cấm-chỉ nó không giữ qui-củ đó.

Nếu nó không súc miệng, không chải răng, thì không cho ngồi cùng mâm ăn cơm với cha mẹ. Áo quần dầm mưa dãi bẩn mà nó không thay, rây bùn đất vào mà nó không lau chùi đi, thì không cho nó được cùng chơi với anh em một chỗ. Ấy thế là phép cấm-chỉ nó không ưa sạch-sẽ đó.

Trẻ con lúc nó làm việc cầu-thả nó tưởng như thế là giản-tiện, là dễ vất-vả. Nhưng khi cha mẹ xét ra, tức thì bắt nó làm lại, thành ra lại phải thêm việc hơn, phải khó chịu hơn, thì tự-nhiên hẳn sau nó không dám ngại việc như thế nữa.

Từ lúc còn nhỏ, mọi đưa trẻ đã vất bỏ hết thầy những cái tính lười biếng đi rồi, tới lúc lớn lên tự-nhiên gây thành toàn-thể quốc-dân không biết cầu-thả là gì. Như thế, quốc-gia hoặc có làm nên đời việc có đầu có cuối, có mặt trong có mặt ngoài, mà nước mình mới đáng là một nước. Người nào cũng biết giữ qui-củ, ưa sạch-sẽ, người mình mới đáng là loài người.

(Còn nữa)

ĐỒ-NAM dịch-thuật





Ban hát Trần-Phên, toàn là trẻ từ 10 cho đến 15 tuổi,
hát một điệu mới đã diễn nhiều lần ở Hà-thành

Cliché Hương-Kỳ

MỘT CUỘC ĐỜI MỚI (1)

(Tiếp theo)

Đại-khái nhiều việc khác ở nước Tàu, cũng giống như cái việc bỏ ngày tết cũ để ăn ngày tết mới ấy. Bọn cách mệnh bảo nhau: « Ta phải xếp đặt ra một Trung-Quốc mới ». Nhưng từ cuộc cách-mệnh ấy đến nay, thấm-thoát đã 22, 23 năm trời, Trung-Quốc mới đã tỏ-chức xong một cách hoàn-hảo chưa? Đã hay ở thế-gian không có sự gì là thật hoàn-toàn, đã hay hai-mươi mấy năm trời đối với một cái lịch-sử mấy nghìn năm, chưa lấy gì làm nhiều. Nhưng một cuộc tỏ-chức, cái kết-quả dù chưa được hoàn-toàn, cũng phải có đôi phần tốt đẹp, cuộc tỏ-chức ấy mới khỏi mang tiếng là không có căn-bản, mà hai-mươi mấy năm trời, dấu chưa là lâu dài cho mấy, song cũng là một phần chia tư của một thế-kỷ, ở thế-giới này, một ngày cũng đáng kể, nữa chi là một năm, là mười năm hay hai mươi năm!

Ngoài hai-mươi năm vận-dộng, Trung-quốc tới nay cũng vẫn còn bối-rối, đó chẳng phải là tại nước Trung-hoa chẳng có nhân-tài. Trong phái dân-chủ cách mệnh thiếu gì những tay thao lược kinh-luân; thiếu gì những người chân-chính ái-quốc, dốc lòng vì cuộc tiến-bộ của giống-nòi; nhưng có lẽ mục-dịch tuy chính-dáng nhưng phương-pháp đã sai lầm cho nên kết-

quả tới nay đã khiến cho phái cầu-tân cũng thất-vọng. Thất-vọng rồi ngẫm nghĩ lại, hình như đã thấy chỗ sai lầm của mình. Chỗ sai lầm đó, là cái-cách mà không chịu tham bác mới với cũ, mà tưởng rằng có thể quên cả lịch-sử của nước mình, bỏ được hết phong-tục của nước mình. Chỗ sai lầm đó, là cái-cách mà tưởng rằng chỉ dùng oai-quyền bó-buộc cả một dân-tộc phải theo những kỷ-cương mới, dù dân-tộc ấy mấy nghìn mấy trăm năm về trước, vẫn quen những nề-nếp lễ-lối khác, dù rằng cái dấu tích của lễ-lối cũ ấy theo cái luật tổ truyền (hérédité) vẫn còn in sâu trong tâm não của dân.

Cuộc đạo-đức « vận-dộng », hay là theo các báo tây ở Trung-hoa gọi là cuộc vận-dộng cho một cuộc đời mới « mouvement en faveur d'une vie nouvelle, mouvement de la vie nouvelle » do sự tỉnh-ngộ chỗ sai-lầm ấy mà sinh ra, và bành-trướng đi, tới nay thế-lực lan ra khắp nước Tàu, đã nghiêm-nhiên như một quốc-gia « tôn-giáo » mới của người Trung-quốc. Nay tôi xin nói cuộc vận-dộng theo « đời-mới » ấy.

Gốc cuộc vận-dộng ở Nam-Sương người khởi-sướng ra là Trương-giới-Thạch, hiện thống-soái quốc-quân của Trung-quốc, và là một nhà thủ-lĩnh có thanh-thế trong quốc-dân đảng

(1) Diễn-thuyết tại hội Tri-tri Hà-nội ngày 28 Juin 1934, xem Nam-Phong số 199 ngày 1^{er} Juillet 1934.

« Kuomintang » là đảng hiện cầm quyền cai-trị nước Trung-hoa. Mục-dịch cuộc đạo-đức vận-động là chấn-hưng phong-tục nước Tàu, cải-cách những tục quá tự-do, thực-hành các đức tốt, sự cải-cách và sự thực-hành đạo-đức ấy, người Tàu xét ra là rất cần, trong cuộc nội-trị cũng như việc ngoại-giao thống-nhất được sơn-hà, hòa-bình được thiên-hạ cũng nhờ vào đó. Thế cho nên phong-trào cuộc đời mới, lại hóa ra một phong-trào chấn-hưng phong-tục, bảo-tồn đạo-đức. Người Tàu hi-vọng vào phong-trào này, mong nó sẽ không có riêng cái kết-quả làm thay đổi cách sinh-hoạt của người Tàu, đó chỉ là phương-diện xã-hội của cuộc vận-động này, nhưng ngoài phương-diện xã-hội ra, phong-trào ấy còn có phương-diện quốc-gia và phương-diện quốc-tế nữa.

Muốn hiểu rõ cái phong-trào này, trước hết ta cần phải nhắc lại rằng số nhiều người Trung-hoa sinh-hoạt trong một cảnh rất bần-hàn, khi nói đến « phong-tục chấn-chỉnh » là nói về phong-tục những kẻ giàu có và ăn không ngồi rồi ở nơi thành-thị mà thôi.

Hai nữa, ta cũng nên nhắc lại rằng dân Trung-hoa ở Thành-thị và ở thôn-quê cuộc sinh-hoạt phân-biệt hẳn. Những việc mới-mẻ nhỏ-những cũng là riêng thấy ở thành-thị mà thôi.

Còn dân-chúng ở thôn-quê thì xét ra thật vẫn còn mến trọng những phong-tục, lễ-lối nghìn xưa, hay còn yêu thích cái sống trong kỷ-cương khuôn mẫu gia-đình và theo những lễ-nghi xã-hội cũ, vì những kỷ-cương và nghi-lễ ấy không phải là không có vẻ đáng yêu-kính, và riêng đối với văn-minh Trung-hoa thì nó vẫn là cái đặc-sắc của áng văn-minh này. Dân

Trung-hoa vẫn còn thắm-nhiêm giáo-hóa cũ. Đối với tân-trào, cái quan-niệm của họ ra sao? Phản-đối chăng? Tân-dương chăng? Bảo rằng phản-đối là sai, mà bảo rằng tân-dương cũng không đúng, dân Trung-hoa kỳ thực đối với phong-trào mới u-u minh-minh có hiểu là gì đâu mà biết, là đáng chê, đáng yêu hay là đáng ghét, đáng noi theo hay là đáng lánh xa.

Dân này chỉ biết có một điều bấy nay họ vẫn sống theo học-thuyết và luân-lý của Khổng, Mạnh, mà học-thuyết và luân-lý ấy vẫn cho họ được một cuộc đời bình-yên. Bảo rằng học-thuyết và luân-lý ấy đã làm cho họ sống ra ngoài vòng tiến-hóa chung của thế-giới, thì họ cũng vẫn hàm-hồ, vì kỳ thực nếu không có những bọn tân nhào-vật truyền-bá tư-tưởng mới và ra công cải-tạo các nền-nếp cũ của cuộc đời theo chính-thể « phu hệ » ấy, thì họ cũng chẳng hiểu thế nào là cuộc tiến-hóa chung của thế-giới.

Phái tân-học muốn cho nước Tàu thành ra một nước có cái văn-minh mới, nhưng gặp hai cái trở-lực lớn, một là mặt đất nước Trung-hoa quá rộng mà đường giao-thông thì còn hiếm, hai là quyền cai-trị và chính-trị, thu gồm vào một vài cơ-quan trung-ương, dù sự thu gồm ấy ở trong vòng lý-thuyết, hơn là ở trong vòng sự thực.

Như tôi đã nói từ ngày Trung-hoa đổi làm dân-quốc, bọn chính-khách tưởng nhằm rằng con đường đi từ cũ tới mới, một bước đi từ văn-hóa Đông-á đến văn-hóa mới Tây-âu là một việc chỉ muốn làm là đủ làm xong. Hai-mươi mấy năm trời nước Tàu bối-rối cũng vì cái nhằm ấy, cái nhằm làm cho những kẻ đưa đường chỉ lối cho dân chẳng cùng nói một thứ tiếng với dân,

nghĩa là chẳng hiểu dân và chẳng làm cho dân hiểu mình.

Mới đây, cũng vì một sự tình cờ mà Tưởng-giới Thạch nhận ra rằng những phương-pháp cũ đem ra thực-hành để đối-phó với hiện-tượng mới, nhiều khi lại có kết-quả hay hơn là những phương-pháp mới.

Suy từ việc nhỏ đến việc lớn, họ Tưởng mới dần dần có cái tư-tưởng « vận-động tân sinh-hoạt » và « bảo-tồn phong-hóa ». Cái phong-trào mở-mang một cuộc đời mới, không phải bỗng nhiên mà nảy ra, chính là căn-bản ở sự thực và ở cái óc hay xét của họ Tưởng.

Nguyên hồi đầu năm, trong khi chinh-phạt quân cộng-sản ở mạn Hồ-bắc đã chiếm-cứ nhiều phủ, huyện, Tưởng-giới-Thạch phải hạ lệnh cấm xuất-nhập hàng-hóa, đình hẳn sự giao-dịch kinh-tế, xét ra rằng dân ở các quận huyện không có thể đủ trông cậy vào những binh lính của chính-phủ Trung-ương, hay của hàng tỉnh, bảo-hộ cho họ; Tưởng liền bàn với Trung-ương Chính-phủ dùng một chính-sách trị-an mà xưa kia nhà Mãn-thanh quen dùng, đó là chính-sách « bảo-gia ».

Thế nào là bảo-gia? Bảo-gia là giao sự canh giữ và sự trị-an trong một địa-giới cho dân địa-giới ấy tự cam-đoan với Chính-phủ phải chu-toàn. Những kỳ-lý trong một làng đứng lên cam-đoan và chịu trách-nhiệm với mình. Các trưởng-tộc trong mỗi làng vẫn là những người am-biêu hơn hết thấy cái tình-hình từng người trong họ mình. Đó là một điều tối-cần để giữ cuộc trị-an trong một nước mà xưa nay không có số sinh-tử già-thụ theo lối Thái-Tây, cũng không có biển kê tên tuổi dân đinh như bên Thái-Tây. Vậy phải lấy trách-nhiệm của trưởng-tộc để

trưởng-tộc trình với kỳ-lý, lấy trách-nhiệm kỳ-lý với quan trên, những kẻ nào lười nhai, hay những sự gì có thể rối cuộc trị-an.

Khi dân-quê thấy cái trách-nhiệm đến mình phải gánh như vậy thì khắp trong những vùng mà thiết-lập ra chính-sách bảo-gia, ai là người trảng-kiền cầm nổi khi-giới, cũng đứng lên lập thành hội để chống lại với những quân giặc cướp hay bọn cộng-sản.

Cái chính sách đó kê ra cũng hơi cồng quá, mà có thực-hành được cũng chỉ tạm thời. Song khi Tưởng-giới-Thạch đem nó ra dùng ở miền Giang-Tây, đã thấy có kết-quả hay trong việc bài-cộng. Phàm những nơi nào mà nhân-dân chưa có chút học-thức phổ-thông mới, và chưa hiểu cái nghĩa-vụ làm dân trong dân-quốc thì đem những cách cai-trị mới ra mà ban-bổ cho họ, họ lại không ưa bằng những cách cai-trị cũ.



Tưởng-giới-Thạch hiểu rằng tâm-lý dân ở những tỉnh miền Giang-tây hãy còn thủ-cựu nhiều cho nên một mặt lại luôn luôn diễn-thuyết và phát cho công-chúng những bài bịch đã làm cho quốc-dân Trung-hoa phải chú-ý. Tưởng cổ-động dân phải thực-hành đạo-đức; và riêng đối với những người có quan-chức dù văn, dù võ, Tưởng lại càng khẩn-khoãn khuyên-răn phải làm gương làm mẫu cho dân.

Cứ theo như báo « Quốc-dân diễn-đàn » ở Thượng-hải, thì cái chủ-ý của Tưởng lúc mới đầu cũng chưa nghĩ đến một cuộc vận-động trong toàn-quốc, diễn-thuyết và cổ-động trong một vùng là mới thử làm thí-nghiệm để tùy theo cái kết-quả của cái cuộc thí-nghiệm ấy, sẽ liệu xem có nên hay

không nên đem cuộc vận-dộng này ra khắp Trung-quốc.

Lần thứ nhất Tưởng-giới-Thạch nói đến cuộc vận-dộng cuộc đời mới đang-dần ở Nam-xương, Tưởng diễn-thuyết về cái hay cái đẹp của một cuộc đời giản dị và một tâm-trí nhất nhất theo về đạo-đức. Tưởng nói : « Nếu dân Tàu muốn tái-tạo sơn-hà, thì trước hết mỗi cá-nhân phải chú-ý đến cái thân mình, cái đời mình. Phần nhiều người Trung-hoa sinh-hoạt một cách không có ích mà lại có hại cho thân-thể và cho tâm-trí ». Đã nhiều lần trước, Tưởng cũng đã nói về cách ăn ở hành-dộng của nhiều người Tàu làm nhục đến quốc-thê ; Tưởng trách những kẻ bần-thiểu lười biếng, nhân-tuần, những người ra đường mặc áo sặc-sèch cài khuy không nên thân, hay có khi lại không cài khuy nữa, đều là những người không tự trọng mà không trọng cái nước của mình.

Tưởng nói : « Những người ngay đối với thân mình, đối với chỗ nhà của mình ở đề bần-thiểu lậu-xộn mà cũng chịu được, những người đó nói về sức lực của họ hay nói về tâm-lực của họ ta quyết rằng họ chẳng xứng đáng được có 1 phần trong việc tái-tạo quốc-gia. Điều ấy không còn chi mà ngờ nữa. Vì ai nấy có biết thực-hành những điều rất lăm-thường trong việc tu-thân và lễ-gia rồi nước Trung-hoa mới có đủ sức-lực để gắng làm cho giang-sơn Trung-hoa được tái-tạo. »

Sau khi diễn-thuyết ở Nam-xương một mặt Tưởng Giới-Thạch dò xét cảm-tưởng dân đối với bài diễn-thuyết của mình ra sao, một mặt thư cho Ông Tinh-Vệ (*Wang-tching-Wei*) nói rõ cái kết-quả cuộc thí-nghiệm ấy và bàn với Ông nếu kết-quả ấy hay thì chính-

phủ nên cho cái phong-trào đạo đời vận-dộng này lan ra khắp toàn-quốc. Trong thư Tưởng kể cái chương-trình cuộc vận-dộng này và xin chính-phủ Nam-kinh xét kỹ để đem chương-trình ấy sát-nhập vào một bản thông cáo quốc-dân.

Không ngờ trong khi Tưởng và Ông còn đang dò-xét dân-tình, trong khi chính-phủ Nam-kinh còn đang dự-đo thì quốc-dân đã cực hoan-nghệ về cái ý-kiến chấn-hưng đạo-đức của Tưởng ; hết hội-dồng này đến hội-nghị nọ họp ở khắp nơi, bao nhiêu người đứng lên dục dân Tàu tán-dương cuộc vận-dộng của Tưởng mà nhân-dân cũng đồng thanh hưởng ứng.

Chính-phủ chỉ còn một việc là tán thành cái phong-trào mới đã tự phát hiện trong dân gian. Ở Nam-kinh liền họp một cuộc đại hội-nghị có quan Tổng-trưởng viện hành-chính. « *Président du Yuan exécutif* » nhiều vị thượng thư và nhiều vị quan to, công nhiên tán-dương ý-kiến của Tưởng Giới-Thạch khuyên nhân-dân theo và thực-hành những ý-kiến ấy.

Thưa các ngài, tôi xin lỗi các ngài câu truyện đến đây đã là dài mà vẫn nói chuyện Tàu, mà tôi nào đã đi sang đến Tàu mà nói. Xin các ngài rộng cho tôi một chút, vì tôi nói chuyện Tàu mà tức là đã nói đến xã-hội ta đó, các ngài hẳn đã so sánh rồi. Còn như sự lịch-lãm của tôi tuy chưa có cuộc du-lịch Trung-quốc thật, song tôi đã so-sánh nhiều báo mà tóm tắt lại, không phải theo riêng một tờ báo nào, vì tôi cũng biết một tờ báo thì có khi quá thiên về một đảng nọ phái kia, nên người đọc báo dễ bị lầm.

Nay xin nói qua về nước Nhật, tôi nhắc lại một điều mà chắc các ngài đều

dã rồ ; nước Nhật là một nước tiến-bộ được theo kịp người Âu-tây rất mau chóng mau chóng được như vậy chính là nhờ vào cái tinh-thần anh-hùng của lịch-sử truyền lại đến đời nay. Vì thế, người Nhật, trong cuộc đời mới không bỏ nền-nếp xưa, mà chính lại giữ tinh-thần cũ, chỉ có bên hình-thức là đổi cho thích-hợp với cuộc tiến-hóa của thế-giới. Dân nước Nhật có cái tinh-thần nghĩa-hiệp, có cái đạo cũng gần giống như đạo « lễ nghĩa liêm sỉ » của người Tàu bây giờ, mà còn cao-thượng hơn, cái đạo ấy tức là võ-sĩ đạo (*bushido*). Đây tôi xin thuật lại lời một người Nhật-bản trừ danh, giáo-sư Inazo Nitobe, giảng-giải cho ta hiểu cái cuộc đời mới của người Nhật ;

« Trong cuộc Nga Nhật chiến-tranh năm 1905, nước Nhật thắng trận không phải bởi vì những món nhập-cảng của Âu-tây chính là nhờ vào cái tinh-thần anh-hùng thượng-võ mà lịch-sử nước Nhật, và những võ-sĩ Nhật thừa xưa, đã lưu-truyền lại.

« Võ-sĩ đạo đã xô đẩy cả toàn-quốc cũng như từng cá-nhân đi vào con đường oanh-liệt, cái sức mạnh vô-hình đó, không ai là không theo, không cần phải viết thành sách, tóm-tắt thành lời giấy, lời răn, võ-sĩ đạo ngày nay cũng như xưa kia, vẫn kích-thích linh-hồn người Nhật, làm phấn-khởi dân tâm dân trí : võ-sĩ đạo là cái sức mạnh chi-phối tất cả nước Nhật-bản. Một nhà văn-sĩ ngoại-quốc nói rằng : « Hiện nay, có ba nước Nhật, cũng sống trong một thời-gian và một khu-vực : một là Nhật-bản cũ vẫn chưa tàn ; hai là nước Nhật mới, ba là nước Nhật nửa cũ nửa mới, hiện nay đang qua một cái thời-kỳ khó khăn. » Có lẽ xét các việc mắt trông thấy, các sự cải-cách

trong nước Nhật mấy mươi năm nay, thì lời nói ấy cũng không phải là sai ; nhưng nếu xét đến cái tinh-thần của quốc-dân, tâm-lý của quốc-dân Nhật, thì lời nói ấy cần phải sửa lại mới đúng. Nước Nhật từ cổ đã sáng-tạo ra cái võ-sĩ đạo, trái lại được cái võ-sĩ đạo ấy nó tái-tạo cho ; võ-sĩ đạo đối với nước Nhật mới và nước Nhật « nửa mới nửa cũ » buổi bây giờ, vẫn là cái đạo làm cho nước Nhật được mạnh, dân Nhật có kiên-tâm mà ra sức bước vào một kỷ-nguyên mới.

« Bây giờ, ta thử xét tâm tính của một người Nhật nào thật là tân-tiến, có những tư-tưởng quá khích chẳng nữa, cạo cái « võ » ngoài, ta thấy cái bản-tính bản-tâm vẫn là võ-sĩ đạo. Võ-sĩ đạo là cái đạo thiêng-liêng, trọng danh-dự, gây nên tính cách anh-hùng, uốn-nắn con người cho có nét tốt của một trang hiệp-sĩ, đối với người Nhật hiện-tại, đạo ấy phải coi như một kho báu không được phép để mất tí nào, trước được ông cha để lại cho thì sau sẽ phải lưu lại cho hậu thế, và chính những hiện-tượng buổi đời mới cũng rục rục cho người Nhật giữ gìn lấy cái gia tài quý báu ấy, đừng làm xuy-xuyên một ly nào ; những hiện-tượng cuộc đời tương-lai cũng sẽ rục rục cho người Nhật cứ giữ đạo xưa, mà chỉ làm cho cái phạm-vi của nó rộng thêm ra để đắc-dụng với nhiều phương-diện hơn, thích hợp với hết thảy các trạng thái cuộc sinh-hoạt của doanh-hoàn. »

Một nước mà mới và cũ dung-hòa với nhau được một cách hoàn toàn như thế, có lẽ khắp hoàn-cầu họa có một. May thay cho nước Nhật ! Khen thay cho người Nhật !

Cái thí dụ đó lấy ở trong các nước châu Á. Tôi tưởng lấy thêm một thí-

du nữa bên châu Âu nữa, có lẽ không phải là thừa, xin nói qua đến nước Ý, và phong-trào « phát-xít » ở nước Ý.

Cái đầu đề ấy thật là rộng rãi mà thi giờ ngắn-ngủi, tôi xin dẫn một câu này của nhà văn Ý, ông PREZZOLINI. « Chủ-nghĩa « phát-xít » muốn phân-biệt tôn-ti, giữ trật-tự theo gót tục « truyền của người trước, giữ vững sự « kính trọng các nhà cầm quyền. Chủ-nghĩa « phát-xít » ra-nhắc lại cái lịch-sử La-mã đời xưa và thời-kỳ cổ-diễn. « Chủ-nghĩa phát-xít muốn theo mãi « những đường lối mà vĩ-nhân Ý-đại-lợi đã vẽ ra từ xưa, bảo-lồn những « nền-nếp của nước Ý đã có sẵn, và « bảo-tồn cả tôn-giáo Gia-tô cơ-dốc ».

IV

Cảm-tưởng và hi-vọng của chúng tôi

« Trông người lại ngắm đến ta ». Nay tôi còn vài lời vắn-tắt, về cái hi-vọng và cảm-tưởng của chúng tôi, tôi xin cảm ơn các ngài đã chiếu cố nghe mãi câu chuyện tới đây đã hơi dài và tha thứ cho tôi xin nói một vài lời nữa.

Trong mấy năm gần đây tôi viết trong mấy tờ báo tây ở Hà-nội nhiều bài nói về một cái ý riêng của tôi. Tôi xét ra hình như những vấn-đề quan-trọng ở xã-hội ta, chưa phải là vấn-đề chính-trị mà là vấn-đề xã-hội. Nước ta ở dưới quyền bảo-hộ của nước Pháp, sự vận-dộng về chính-trị của ta có kết-quả hay không có kết-quả còn tùy ở chính-phủ Pháp. Nhưng chính những phong-tục của ta, những lễ-nghi của ta, có cái gì là hủ-bại, cái gì là phiến-phức, thì tự ta sửa đổi đi, không chính-phủ nào ngăn-cấm ta được. Tự ta mà biết sửa-đổi cái hoàn-cảnh xã-hội của ta như vậy, ấy tức là ta cho những bọn

thanh-niên được hưởng một cái không khí dễ thở hơn, và có nhiều sức mạnh hơn đề mà rèn luyện nên những bậc phi-thương, sẽ có ích cho dân cho nước. Ấy tức là ta gây cuộc đời mới cho ta.

Ý riêng của tôi nghĩ như thế, và trong mấy năm nay vẫn cố truyền-bá cái tư-tưởng ấy, cho nên đối với những việc rất có ý-nghĩa đã xảy ra trong Triều-đình Huế từ khi đức thiếu-niên Kim-thượng hồi-loan lâm-chinh, tôi vẫn có một mối hi-vọng lớn. Vì những việc như việc hạ-lệnh bỏ lạy, giảm bớt sự dùng đồ vàng mã, v. v., chính là những việc cải-cách về phương-diện xã-hội; mới đây lễ đại-hôn của đức Kim-thượng có lẽ cũng là một cái gương sáng sẽ có ảnh-hưởng về cuộc hôn-thú trong xã-hội ngày nay.

Triều-đình Huế hiện nay có một vị thanh-niên hoàng-đế đứng đầu, lại được Nam-Phương hoàng-hậu làm tiêu-biểu cho bạn phụ-nữ mới, vậy việc chấn-hưng phong-tục, xếp đặt lại xã-hội mới, nếu được chính-phủ Nam-triều khởi xướng lên, cũng như bên Tàu Tưởng Giới-Thạch đã khởi-xướng lên phong-trào cuộc đời mới của người Tàu, thì cái kết quả hẳn không ai « còn điều chi mà ngờ nữa ».

Thưa các ngài, tôi cũng không dám giấu-diếm các ngài điều ấy, cũng cái cuộc di Huế mới đây của tôi mà đã khiến cho tôi phải lỗi hẹn với các ngài thứ năm trước, đã khiến cho tôi càng tin vào cái thiên-chức lớn-lao của Triều-đình Huế trong cuộc mở-mang cái đời mới cho ta. Tôi vô Kinh không phải riêng đề điều-tra về việc ấy, nhưng vì vô Kinh mà nhân thế đã điều-tra có kết-quả. Huế đối với tôi bấy nay vẫn chỉ là một nơi chứa-chan

hồn thơ, chứa chan sắc đẹp và ái-tình, nhưng không có vẻ hoạt-động. Nhưng Huế ngày nay thật có vẻ khác Huế ngày xưa. Cái điện Kiến-trung bề ngoài vẫn lối kiến-trúc cổ xưa, mà bên trong xếp đặt trang-hoàng hoàn-toàn theo lối tối-tân ở Âu-Tây, đối với con mắt thanh-niên, thật là một cái tiêu-biểu vậy. Cuộc đời mới, nếu chính ở tay vị anh-quân dùng những lời bịch, lời dụ, — dạy dân. cũng như bên Gia-tô, đức Giáo-hoàng dùng những *Encyclique* (sắc tòa Thánh) dạy luân-lý — thì sửa đổi xã-hội cũ cho có vẻ mới, có lẽ là một việc không khó, mà sự tiến-bộ như thế sẽ rất êm-ái về đủ mọi phương-diện và đối với khắp các phái trong nước.

Đó là hi-vọng của chúng tôi. Cái hi-vọng đó dễ thường đối với nhiều người khác cũng có thể như đối với chúng tôi, đủ làm khuấy những nỗi thắc-mắc trong lúc mới chưa tới, cũ chưa tan, xã-hội nhiều lúc có vẻ hỗn-độn làm buồn người quan-sát.

Thưa các bà, thưa các cô, thưa các ngài,

Tôi xin phép các ngài cùng chung với tôi trong một sự tin-ngưỡng vào cái tương-lai rực-rỡ của cuộc đời mới. Tôi còn nhớ lại một lần nữa tôi đi Huế, tự năm ngoái, vào kinh xem lễ Nam-giao.

Sau cái đêm Nam-giao, vào hồi năm giờ sáng, lễ tế đã cử-hành xong.

Hoàng-Thượng đã ngự về trai-cung, đợi đến sáng rõ mới rước Ngài về Nội. Con đường Nam-giao vắng ngắt dưới hai dãy cây cổ-thụ, từng quãng có những hương án của kỳ-lão các làng bày ra để bài-vọng khi Hoàng-Thượng sẽ ngự qua.

Cái đêm trước rực-rỡ trăng sao, cái đêm trắng sáng như gương, sao nở như hoa, đến bảy giờ đã gần hết. Buổi bình-minh sắp tới, nhưng cái quang-cảnh lúc ấy đầy vẻ u-ám, vẻ buồn-bã, khiến người càng tiếc cái tối hôm qua mà thôi ! Rồi cách lúc đó hơn một giờ đồng-hồ nữa, lúc ấy là lúc tôi sắp từ-giã kinh-thành trở về đất Bắc, xe hơi vừa qua cầu Tràng-tiên thì vừng thái-dương mới mọc gieo ánh sáng tươi đẹp dịu-dàng xuống giải sông Hương và những các đình-tạ lâu-đài, phố-phường thành-quách ; một đôi bóng hồng thấp-thoảng, ánh sáng kia tô-diêm, nét hoa càng lắm yêu-kiều, mùi khấn mùi áo nồng-nàn, tôi mới sức nghĩ rằng : mỗi một ngày mới, trước khi thăng được cái đêm tối, phải qua một thời-khắc bình-minh lạnh-lẽo âu-sầu, nhưng trong cái lúc mới còn chưa hẳn tiến đến, cũ còn chưa hẳn lui đi, những ai kể đợi người chờ, phải giữ vững cái đức tin, thì có lẽ chẳng mấy lúc sẽ quả-nhiên được thấy vẻ mặt rực-rỡ của cuộc đời mới, không khác nào mặt trời mới mọc đến tô-diêm cho non sông nũ.

NGUYỄN-TIẾN-LĂNG



SAO CÙNG BÀY ĐỒ NGHI-VÊ ?

LÊ ĐỨC-NGUYỄN

Anh xã Liêng vừa cấp ó đi ra khỏi công thì gặp ngay một chị ăn mày ở đầu lù-lù đi lại. Anh lầm-bầm : « gặp gái ». Xưa nay anh vẫn tin rằng đi đầu mà ra ngô gặp gái thì cầu việc gì cũng chẳng xong, đến như ăn cỗ mà ra ngô gặp gái cũng hay rắc-rối nữa là đi lên tỉnh bán đợ ruộng.

Anh có năm sào ruộng hương-hỏa tốt, xưa nay vợ chồng nhà anh chỉ nhờ vào đấy mà đủ ăn. Trước kia những người giàu, có ruộng gần đấy, bảo anh bán lại cho, dẫu gấp mấy cũng mua, nhưng bấy giờ anh không túng nên không muốn bán. Nhưng chẳng may vài năm nay thóc hạ, cây cấy không đủ ăn, vả anh lại sắp đến lần phải làm tế-đám, nên mới phải đem bán đợ đi. Anh đã đem bán cho khắp những nhà giàu ở trong làng nhưng chẳng ai muốn mua cả. Có người bảo anh lên tỉnh bán đợ cho ông Hàn Lô, vì ông ta có đồn-diền ở bên làng anh, mà thửa ruộng của anh lại ở giáp ngay với đồn-diền của ông ta. Anh không quen biết ông Hàn Lô và cũng không biết nhà ông ta ở phố nào, phải đến nói với lý-trưởng làng anh để giới-thiệu bán hộ. Nhân tiện ông lý hôm trước phải lên tỉnh giã linh, có dặn anh để ông ấy lên nói trước với ông Hàn cho, sáng hôm sau anh cứ lên tỉnh hỏi thăm đến phố H, tìm đến một cái nhà kiểu tày, ngoài có hàng rào sắt, viết văn-tự trước đi, rồi đến trưa ông lý sẽ đem triện vào thị-thực cho.

Y lời hẹn, sáng hôm ấy anh cấp ó đi lên tỉnh, chẳng may vừa ra ngõ đã gặp gái. Sợ không bán đợ được ruộng, anh toan quay về để hôm khác sẽ đi, nhưng lại sợ làm lỡ ông lý thì lần sau không nhờ được ông ấy nữa. Nghĩ vậy, rồi anh đứng quay lại chờ cho chị ăn mày đi khỏi rồi mới đi. Anh biết đi cũng chỉ mất công toi thôi, vì đã gặp gái thì không hi-vọng gì, nên trông người anh có vẻ buồn-rầu.

Lên đến tỉnh, anh hỏi thăm đến phố H., tìm đến một cái nhà gạch hai tầng, làm theo lối mời, trước cửa có hàng rào sắt trông rất uy-nghi. Anh đứng ngắm cái nhà ấy và ngóng xem có ai ở trong nhà ra để hỏi cần-thận rồi mới dám vào, vì anh không dám chắc rằng đây có phải là nhà ông Hàn Lô không, hay lại hỏi lầm vào số cảm thì chết. Nhưng đợi mãi cũng chẳng thấy ai ra, anh chực hỏi thăm những người đi đường, nhưng cứ như lời ông lý dặn thì ở tỉnh mà hỏi thăm nhà là một việc rất khó, nên anh cứ phải đứng đợi mãi. Sau thấy một người đàn bà ở trong cái ngõ hẻm gần đấy đi ra, anh chắc rằng người ấy ở xóm này thì hẳn biết nhà ông Hàn Lô, liền hỏi :

— Thưa bà, bà làm ơn bảo cho, đây có phải là nhà ông Hàn Lô không ạ ?

Người đàn bà ấy nhìn anh rồi vừa lúm-lúm vừa nói :

— Không phải là nhà Hàn Lô đâu, đây là nhà Hàn Bể đấy.

Nghe người đàn bà ấy nói, xã Liếng có vẻ thất-vọng. Người đàn bà nhìn anh rồi phì cười nói :

— Tôi nói đùa bác đấy. Phải nhà Hàn Lô đấy. Bác cứ vào.

Người đàn bà ấy sờ-đi nói đùa anh xã Liếng như thế là vì ngày trước ông Hàn nay làm nghề kéo bê cho thợ rào, lại tên là Lô, nên bây giờ người ở lĩnh thường gọi đùa là Hàn-bê.

Xã Liếng bán-tin bán-nghe, chưa dám vào ngay, hỏi lại người đàn bà ấy rằng :

— Thưa bà, có thật không ? hay bà lại nói dối tôi thì khốn.

— Tôi không nói dối bác đâu, Lô với Bê cũng là tên anh ta cả đấy.

Bấy giờ xã Liếng mới nghĩ ra và tin người đàn bà ấy nói là thật, liền đi vào. Qua cái cổng có hai cánh bằng chấn-song sắt, anh rón-rén đi vào hiên. Vừa bước chân lên bậc hè, anh đứng lại đằng-hắng mấy tiếng, chẳng thấy người trong nhà nói gì, liền mở cái màn xanh nhìn vào, thấy ở hiên, hai bên chỗ cửa đi vào để hai cái giá gỗ cắm bộ đồ bát-bửu, đủ long-câu, búa nguyệt sáng nhoáng. Anh giật mình, rụt tay lại, vội-vàng bước xuống sân, rồi thoăn-thoắt đi ra, vừa đi vừa lầm-bầm : « Chết ! nhà bà khi giờ ấy đánh lừa mình thật ! đây là đền từ gì chứ nhà ông Hàn thì sao lại có bày đồ « nghi-vệ Thiên-tử » như thế này ! »

Anh ra cổng đứng ngờ-ngạc nhìn quanh, chưa biết tình thế nào thì chợt thấy một ông cụ ăn mặc chững-chạc và trông người có vẻ đạo-mạo úi qua. Anh nghĩ ngay rằng hỏi ông cụ này thì chắc biết. Rồi anh hỏi :

— Thưa cụ, nhà ông Hàn Lô ở đâu đây ? nhờ cụ báo cho.

Ông cụ chỉ tay vào cái nhà ấy, nói :

— Đấy ! nhà đấy !

Anh xã cũng chỉ tay vào cái nhà ấy, hỏi :

Bà cụ, chính cái nhà này ?

Ông cụ gật đầu, nói :

— Phải, chính đấy.

— Bà cụ, tên người ở nhà ông Hàn là gì ?

Ông cụ lắc đầu nói « không biết » rồi đi thẳng.

Xã Liếng không dám vào ngay, cứ đi đi lại lại ở ngoài bờ rào và ghé mắt nhìn vào trong nhà xem có thấy ai thì gọi, nhưng mãi cũng chẳng thấy ai cả. Đợi lâu quá sốt ruột, anh liền đi vào, bước lên thềm, vén màn rón-rén đi vào hiên. Trong trước trông sau chẳng thấy ai, anh liền vén bức màn thưa nhìn vào trong nhà, thấy trang-hoàng như một cái đền thật. Trên bức tường giữa, chỗ sát trần treo một cái cuốn-thư thếp vàng lóng-lánh, dưới kê một cái tủ văn-liên bằng gỗ gụ khảm, giữa mặt tủ để một cái khung ảnh trạm và thếp vàng trong lồng một bức ảnh truyền-thần vận mũ áo châu, ngoài để một cái hòm sắc sơn sơn vẽ vàng. Hai bên cái khung ảnh để hai cái lọ cổ và một đôi đèn đồng. Hai bên đầu tủ, hai cái lọng xanh cắm vào hai khúc gỗ lim bào nhẵn thín.

Giữa nhà, một bộ ghế gụ to mà thấp để xung quanh một cái kỷ gọi một cái mâm thau chạm thủng mà to bằng cái nón.

Trên đại cái ghế cao rất xinh xắn để hai bên tường có hai ông tượng đồng đen, to bằng đũa trẻ lên ba.

Ngay chỗ cửa bước vào, trên cái ghế gụ vuông để một cái đỉnh đồng to bằng cái thùng.

Ngắm những đồ đạc trong cái phòng ấy, xã Liếng đoán ngay là không phải nhà ông Hàn Lô mà là một cái đền thờ.

Khi anh sắp quay gót trở ra thì nghe thấy có tiếng người ở trên gác đi xuống.

Anh đứng lại để chờ hỏi xem thì thấy một người đàn ông to lớn, mặc quần áo lụa trắng đi ra. Người ấy trạc tuổi năm mươi tuổi, tóc cúp ngắn, da mặt đen cháy, râu rậm mà đen, hai con mắt trắng rũa mà to, trông rõ gồm ghê. Nhìn hình dáng người ấy, xã Liếng có vẻ luống-cuống sợ-hãi, cho là người tày đen gác đèn, toan trở ra thì người ấy liền hỏi :

— Hỏi gì, thằng kia ?

Xã Liếng cuống-quít, vội nói :

— Thưa chú, tôi hỏi nhà ông Hàn Lô ?

Người ấy trợn mắt quát :

— Nhà qué !

Xã Liếng thất-dảm, vội-vàng đi ra, miệng lầm-bầm : « biết ngay mà ! ra ngõ gặp gái là có lắm chuyện rắc-rối ! vào nhà ông hàn không vào lại vào ngay đền thờ tày đen ! ấy mới rõ tội ! » Ra đến cổng anh liền đi về phía đền linh để tìm ông Lý.

Đi được một quãng thì gặp ông lý. Ông lý hỏi :

— Thế nào ? đã viết văn-tự chưa ?

— Thưa ông, tôi không tìm thấy nhà ông Hàn đâu cả.

Ông lý cau mặt nói :

— Sao bác đàn thế ? Tôi đã dặn bác nhà ông ấy ở ngay đầu phố này, ngoài có bờ rào sắt, thế mà lại không tìm thấy.

Rồi ông lý lại nói :

— Thôi, đi trở lại với tôi.

Anh Xã quay lại theo ông lý đi.

Đến cổng cái nhà ban nãy, ông lý cứ xông-sọc đi vào. Anh xã lấy làm lạ, nhưng không nói gì, cứ lảng lảng theo sau. Trèo lên hiên, ông lý đứng gõ cửa mấy tiếng thì thấy người đàn ông ban nãy đi ra. Ông lý liền chấp tay chào :

— Lay cụ lớn ạ.

Anh xã cũng chấp tay chào :

— Lay

Người ấy hất hàm hỏi anh xã :

— Mày hỏi gì, thằng kia ?

Ông Lý mau mồm nói :

— Bầm cụ lớn, anh này là người làng con, lên bán đợ ruộng hầu cụ lớn đấy ạ.

Người ấy lại hỏi anh xã :

— Có phải ban nãy mày đã vào đấy không ?

Anh Xã mạnh bạo thưa :

— Bầm cụ lớn, phải ạ.

Người ấy vui vẻ nói :

— Ừ, thế thì vào cả đây.

Đoạn, người ấy đi vào trước, ông Lý và anh Xã theo sau. Anh Xã sẽ hỏi ông Lý :

— Thưa ông, có phải ông Hàn đấy không ?

— Phải, nhưng bác phải gọi là cụ lớn mới được đấy nhé.

— Thế mà ông không dặn tôi trước. Lúc nãy, tôi đã vào đây, gặp ngài tôi cứ tưởng là chú tày đen gác đèn. Thế sao nhà ngài cũng bày đồ nghi-vê Thiên-tử ?

Ông Lý sẽ nói.

— Bây giờ đời người ta không lấy những cái ấy làm quí nữa.

— Không quí nữa, sao ông này lại còn dùng ?

— Ai biết được.

Vào làm văn-tự và nhận liền xong, hai người ra về, Xã Liếng cứ lầm-cầm tự nghĩ một mình : « Ừ, mà bộ đồ bát-bửu ấy bây giờ không quí nữa thật, vì đứng bên ông ấy là người có cái nghi-vê ấy mà ta không thấy có cái gì đáng sợ-sợ. Nhưng sao đã không quí, người ta lại còn dùng như thế ? Dùng như thế là để tự điều mình hay là còn thêm mà xớm thừ ? »

LÊ ĐỨC-NHUỘNG

LẠI TỚI THẦN-KINH

(Du-ký)



I

Lên đường

18 Juin 1934

Nhà ga Hà-nội, một buổi tối thứ hai, một buổi tối có chuyến xe-lửa « tốc-hành » đi Nam-kỳ. Đám đông người có vẻ tấp-nập hơn mọi buổi chiều. Trong đám đông người, bóng hồng qua lại, có người ăn mặc lối Nam-kỳ, có người ăn mặc lối Huế. Từng bọn bạn-bàn thân-thuộc họp nhau mà đứng, đứng cùng nhau mà chẳng muốn rời nhau. Lúc này là lúc tiễn đưa, một lát nữa, — còn được một lát nữa kia — rồi mấy kẻ khác người Nam, kẻ đi người ở.

Ngày hôm nay, tôi sẽ vào số những kẻ đi ; tôi sẽ được là một kẻ lên đường.

Vừa hôm qua hãy còn chưa quyết-định ở hay đi, vào Huế bàn công việc, hay là cứ ở Hà-thành mà trao đổi ý-kiến bằng tờ giấy phong thư. Công việc mà tôi cần phải bàn đó, chính là tờ tạp-chí *Nam-Phong* này. Nhà sáng lập ra *Nam-Phong*, người mà bấy nay đã làm cho *Nam-Phong* hoạt-động không ai sánh kịp, hiện nay đang ở chốn Thần-kinh, bận với trách-nhiệm nặng-nề việc trào-chính. Được mời tôi kể chân ông Thượng-Cbi, tôi phân-vấn không biết nên vô tới Thần-kinh thăm ông hay là nên viết thư mà thôi ?

Tỉnh Hà-nội trong tháng này tiết giờ oi-ả. Cái đời nhà văn-tự gần đây cũng những công cùng việc, bận bịu luôn chẳng có lúc nhàn ; bận bịu chẳng qua cũng là tự mình đã muốn cho đời mình lảm việc, để khỏi mang cái tiếng : có người mà đã trốn không chịn ra công làm việc... Tối thứ bảy,

cách đây hai hôm, anh Phạm Lê-Bồng đến chơi còn thấy mình nằm soài trên ghế, nhọc mệt đến phát sốt. Tay bắt tay bạn thấy bưng bưng như lửa. Anh Bồng ngại : « Anh yếu thế này mà định đi Huế thật ư ? Đi thế nào được mà đi ? Lại còn phải trở về ngay cho kịp diễn thuyết thì nhọc quá » (Nguyên tôi đã hẹn cùng hội Tri-tri Hà-nội đến tối thứ năm 21 Juin nói truyện về : « Một cuộc đời mới ». Vậy nên định có đi Huế thì cũng chỉ đi tối thứ hai, trưa thứ ba tới nơi, ở lại đến trưa thứ tư lại lên xe-lửa tốc-hành về Bắc, vừa sáng thứ năm tới Hà-nội để tối kịp diễn-thuyết). Anh Bồng ra về. Qua đêm ấy đến sáng hôm sau, ai kia cũng tới thăm mình, mình giẫy tiếp cũng vẫn còn nét mặt nhọc mà tiếng nói như buồn như chán. Thế mà sao bây giờ thì đứng ở trước nhà ga thấy trong mình khoan-khoái, sau khi môn hành trang đã đặt trên toa ? — Há chẳng phải vì cái nhọc cái mệt mấy bữa mới rồi, cũng có một phần chỉ tại cuộc đời nhỏ hẹp, cuộc đời bị thu vào trong vòng cái đất « nghìn năm văn-vật », cùng nhau nào phải vô-tình, *Thăng-long ời hội, là mình với ta, lần lần ngày lại tháng qua, biết nhau đến thế đã là buồn chưa ! ?*... Quen quá cho nên có lúc muốn xa đi để khỏi chán nhau, đó là tâm-sự của ai và đất Hà-thành. Phương-chỉ đời văn-chương, phải đem cái cảm, cái tình, cái sự từng trải của mình mà làm ra lời văn, thì cuộc đời thỉnh-thoảng cũng phải cần mở rộng cánh cửa ra, cho có một chút không-gian lộng-lẫy nó thêm vào, cho có một vài cảnh núi sông xa lạ no in vào

với tấm lòng mệt nhọc, thú giang hồ vẫn là phương thuốc hay. « Rập toan rong rì đời quan hà » — theo văn thơ của MALLARMÉ trong bài « hồn theo gió bèo » — kỳ thực cũng đã biết : đường vô xứ Huế bao xa, cuộc du-lich này kẻ cũng chỉ là mấy bước « chơi mát ». Song chẳng được có những cuộc du-lich mà mình muốn có, thì hãy phải vui với những cuộc « chơi mát » mà mình có thể có !.. Vả chẳng dẫu Thần-kinh đối với những kẻ mệt nhọc vì nỗi niềm tâm-sự, vốn vẫn là một cảnh chiều người, một cảnh dưng người...

Chú Tham Kim, anh Tòa thất Bình, một vài người bạn khác, ra ga tiễn khách bộ-hành, dù cuộc bộ-hành chỉ xui mình sẽ đi vắng có vài ngày. Tiễn đưa thêm động tác lòng. Nhưng hẳn các bạn sở-đĩ ấy-này với kẻ lên đường như vậy, chẳng phải vì sự viễn-du, mà chính là vì kẻ lên đường mới hôm qua hãy còn là người đau yếu, mới hôm qua ai nấy hãy còn khuyên nên ở nhà, cừng xông pha lẫm, song bây giờ vẫn cứ ra đi, ra đi vì tình rằng tất phải đi chuyến này thì mới khỏi mất một dịp thấy mặt Thần-kinh; tháng sau, đã tới ngày vượt đường thiên-lý vào Nam. Có lẽ trước khi vào Nam-kỳ cũng chẳng kịp thu xếp hết những công việc cần phải thu xếp ở Hà-nội, nhưng : Nam-kỳ cũng biết cho ta, miễn cùng gặp gỡ, ấy là thỏa vui...

« En voiture ! » « Qui-khách lên xe ! » tiếng người làm sở Hỏa-xa đã kêu vang khắp. Nay, bắt tay, chia tay từ đây : « Au revoir ! » « Sẽ lại gặp nhau nhá ! » Nhiều người khác tung vẫy mũ xoa, vẫy là vẫy những người thật đi xa, chứ có tiền dầu xinh là kẻ tạm trở đi được ít bữa. Xe chạy. Táy đã tới chỗ đường xe hỏa chạy qua đân phố Khâm-thiên, cái thế-giới riêng ở trong thế-giới Hà-nội ! Trong toa xe hỏa hạng

ba, tôi được chèo một vài bạn quen như anh cử NGUYỄN XIÊN, tác-; quyển *Mémoires d'Outre-mer* mà đang viết lại ngừng không viết, một số những học-trò của anh và của tôi nữa ; những học-trò trường Hồng-Bàng vì nghỉ hè ở chốn cố-hương trong Lục-tỉnh. Nhưng người tôi mới mệt thôi cho nên phải vội đi nằm trong toa xe lửa có giường và phòng ngủ ; một người An-Nam bước tới toa đó, đi khiến cho mấy bạn đi đường người Tây và cả một cô thiếu-nữ tóc cô i. xanh, rất n.ỹ-miêu khá-ái, có vẻ ngạc-nhiên...

Đêm tối như mực, xe chạy qua đân thì chiếu ra hai bên đường hai vệt ánh sáng. Ở bên ngoài cái giải ánh-sáng ấy, non nước mịt-mùng, cây cối lằng nhón ần-nấp. Người đi đường còn xem phong-cảnh chỉ được, chỉ còn có một việc là chui vào dưới cái màn trắng ; cái màn ấy diềm trong cái căn-phòng nhỏ tí một nét có vẻ thận mật ; nằm dưới màn rồi muốn an-ủi mình chẳng được ngắm cảnh, thì lơ lại rằng : những cảnh mà xe chạy qua này, mình trước kia đã từng được ngắm ; lại phải nhớ những câu ca giản-dị thanh-cao của thi-sĩ Tấn-Đà :

« Đường vô xứ Huế quanh quanh,
Non xanh nước biếc như tranh họa đồ.
Lieu em anh cử anh vô,
Kẻ trường nhà Hồ, mặc phá Tam-giang. »

Câu ca khéo nhắc lại cái thừa nào đường đi này còn gian-uân hiểm-trở, đi chân hay đi ngựa cũng hàng tháng mới tới nơi, lại phải qua những « rừng » là rừng rậm có giặc cướp hiểm nghèo, những « phá » là thác nước chảy dữ-đội. Nhưng vào sinh ra tử có quản gì, nếu đi là đi để tìm thấy mặt người yêu ? Ôi, Tấn-Đà, Tấn-Đà, cái câu ca của thi-sĩ khéo tả về hữu-tình của

con đường đi Huế, khéo vẽ ra cái cảm-luồng mà trên con đường ấy những ai là người biết yêu cái thú có người đề yêu, có cảnh đề mến, đều không sao không chứa-chan man-mác. . .

« Yêu em anh cứ anh vô ». Khách-du này thì chẳng có « em » nào ở chốn Thần-Kinh chờ đợi khi « vô » ! Nhưng có lẽ cũng vì tình mà vô Thần Kinh, chắc hẳn vì tình mà vô Thần Kinh một phen này nữa ! Ôi, Huế ơi, người bạn yêu mềm-mại, đóa hoa trắng trẻo thơm tho của ta ! Huế, đô-thành yêu-kiều như một người giai-nhân, đô-thành mỹ-miền như bôn đóa hoa nở (mà cái chữ Huế viết ra bằng chữ nho ở ngay trên mái nhà ga cửa tỉnh lý Thừa-thiên chẳng phải là chữ Hoa đó ư ?)

Huế, cái tỉnh thật đúng với tên gọi là Huế, cái đất khiến cho người phải yêu mê yêu mệt !... Xưa kia được thấy Huế, đó là một điều mong ước cần nhất, quý nhất của khách này. Rồi mong thì được như ý. Cùng em gặp gỡ, Huế ơi, lần đầu kể tới nay đã được bốn năm trời. Vì em, ta lúc ấy còn là học-trò ban triết-học trường *Albert Sarraut*, bỏ cả học-hành luôn mấy buổi ; một thầy giáo cũ ở bên trường Bảo-hộ ông Foulon, cùng ta làm bạn tìm em. Lễ Nam-giao rộn-rịp tung-bùng, năm ấy 1930, đức Kim-thượng ở Pháp chưa về, ta thấy cụ Thân-thần râu tóc bạc phơ làm lễ. Rồi được cung-chiếm các tôn-lăng : nhưng con thuyền trên sông Hương thì ta chưa từng được trải, vội đã phải trở về Hà-nội phải trở về với cái xe-đạp đi học ngày hai buổi, với tiếng chuông nhà trường *Albert Sarraut* ! ...

Cùng em gặp gỡ, Huế ơi, lần thứ hai, ta cùng đi với vị Thủ-hiến mà hiện nay lại trở lại thuộc-địa này. Thần kinh

diềm nét mưa xuà, ta thăm vườn Tỉnh-tâm, thăm Cung-diện, miếu đền, ta ném cái phong-cảnh trong thành và những khắc giờ im lặng, cái thú-vị sông Hương, cùng với các hương thơm của sông Hương. Nhưng bao nhiêu cái đó, ta cũng chỉ được ném biết một ly mà thôi, dạ chưa thỏa, đã lại phải xa em, xa em mà trong lòng còn tiếc biết bao nhiêu tình-cảm chưa được hưởng.

Ngày ngày, tháng tháng, năm nă n, thăm-thoát một lần thứ ba nữa lại cùng em tương-kiến. Đức Kim-thượng hồi-loan buổi mới, lễ Nam-giao xuân trước lại cử hành. Xa-xôi ta lại tìm về, rồi những cây thông ở Giao-dàn đã từng thấy bóng ta, xuất ngày rồi lại xuất đêm, đêm thì trong bọn dự xem lễ, có đọc một cái áo « quốc-phục » của ta xen lẫn vào bọn những trào-phục người Pháp.

Thủa nọ, nhà văn-sĩ Pháp *JEAN GIRAUDOUX*, nhân nói tới cuộc Âu-chiến, có câu rằng : « Hỡi chiến tranh, hãy tha thứ cho ta, vì ta đã, mỗi khi có gì, hay vượt-ve em ! » Câu văn ẻo-lả mềm-mại, chỉ có *GIRAUDOUX* mới có cái giọng ấy... Đối với Huế, có lẽ ta cũng phải bắt chước *GIRAUDOUX* mà có lời xin giỡn như lời đó ! Ta đã tặng Huế một phần quý báu nhất của tấm lòng ta, nhưng không bao giờ là tránh khỏi chẳng vượt ve Huế một đôi chút vượt ve như một người bạn tình, như một người giai-nhân đáng yêu mà rất yêu, như một người nhu-mi mà đại-lấn, một người nũng nịu du ngủ cho ta như ta đã từng thử ca ngợi trong một vài vần thơ. (1)

Bây giờ, người ta đồn rằng : có gái lười lĩnh khi xưa đã đòi khắc tích nét. Bà Công-chúa ngủ mê ở giữa những đèn dài lẳng-tâm (2) từ khi đức Thanh niên Hoàng-đế về nước, thì đã tình-

(1) Sonnet : *Douceur de Huế*, par Nguyễn Tiên-Lãng.

(2) Lấy sự tích bà Công-chúa ngủ trong rừng của Perrault.

thức giầy rồi. Sự tỉnh-thức đó, mắt tôi chưa được xem rõ lắm trong cuộc trưng-kiến lần thứ ba, ngày Nam-giao 1933. Bây giờ, lại tới Thần-kinh một lần thứ tư này, sẽ tới Thần-kinh do chuyển xe tốc-hành đang vùn-vụt chạy trong đêm rộng trời khuya này, không biết rồi khi tới thì có được xem cái vẻ mặt mới-mẻ của kinh-thành Huế? Dù có dù không, hiện lúc lên đường, hi-vọng tôi là thế, sự ao ước, sự mong đợi của tôi là thế. Một năm một tuổi, tâm-trí cũng theo thời mà phải khác. Có thuở trước, dốc lòng yêu mến những vẻ tinh-ái trong phong cảnh, những thú êm-dềm của cảnh của người, mà chỉ biết mến yêu có thế, thì tôi nay lại phải có một thời-kỳ khác, có những sự lo lắng to hơn, những công-việc thích hợp với nam-nhi hơn. Mong cho non nước càng xuân, một cuộc phục-hưng đem lại cho dân Việt-Nam một tuần thanh-niên mới, mong cho hoàn-cảnh biển-thiên, công-phu càng ngày càng có kết-quả hay cho xã-hội cho quốc-gia. Cái hi-vọng như vậy, lẽ nào phải dấu-diếm ai? Ấy lên đường để lại tới Thần-kinh phen này, vì việc tạp-chỉ Nam-Phong đã đành, nhưng việc tạp-chỉ viết thơ cũng đủ; sở-dĩ ra đi cho tới Huế, cũng chỉ vì muốn cho mắt được trông thấy cái đất Thần-kinh trong buổi tân-tiến, thấy cái thành Huế mới, cái đê-đê đã đem trả lại cho cuộc đời hoạt-động, cuộc đời tiến-hóa.

... Xe chạy, trí ngẫm-ngĩ nhưng cái xác-thịt nhọc mệt, xe xóc mãi, rồi cũng phải nằm bẹp xuống đệm giường mà ngủ một giấc đến sáng... Sáng, mở mắt, thấy một nhà ga nhỏ, im lặng; rồi xe lại chạy hồng hộc. Tới Vinh, có toa bán hàng cơm mứt thêm vào chuyển xe, thế là được ngồi ăn diêm-tám, trước cuộc đua chạy rảo-nùng của những

núi cùng đồi của những dãy tre giống như những giải cù-lao giữa đồng. Chẳng biết đang đi qua tỉnh nào? Nghệ-an hay Hà-tĩnh? Ngồi buồn, đứng dậy tìm những bạn vừa gặp trên xe tới qua. Nhưng anh cử Xiển đã xuống ga nào rồi. Mãi bảy tám hôm sau, giờ về tới Hà-nội, mới nghe cái câu chuyện kỳ-dị chẳng may cho anh Xiển: đầu xe qua ga Nam-dinh, Xiển bị mấy chú lính đoan xử vô-lẽ, mà khi đối-đáp lại thì họ gọi lính đoan Pháp tới, rồi đối-đãi một cách vũ-phu, lại làm biên bản phạt vì «bất-nhã và bất-tuân lệnh của những người thừa-hành việc quan». Nghe câu chuyện mà khiến cho tôi không thể không nhắc đến độ năm 1931, sau khi đi Nam-kỳ với quan Robin trở về, quan Toàn-quyền về đường bộ, tôi đi đường thủy, tới Hải-phòng cũng bị một bác đoan nói «mày, tao»! Thiết-tưởng quan trên nên đề ý đến những cách hành-động đáng tiếc ấy.

Tìm anh Xiển không gặp, chỉ nghe một tiếng người thiếu-nữ chào, nhận ra là một người học-trò Hồng-Bàng trở về Nam-kỳ nghỉ hè. Trở lại trên toa hạng nhì thì thấy một bà đầm mặc áo ngủ, đi giầy băng-túp (*pantouffe*), một ông Tây mặc áo sơ-mi (*chemise*) và các cô các cậu nằm ngủ cả. Bên ngoài trời nắng trang-trang, khí nóng nặng-nề.

... Nhưng mà thôi, kể chi những nỗi giọc đường...

* * *

Đã gần tới, đã tới... Nay đây những bức tường cũ của thành Huế, đã lộ ra trên những bụi tre chi-chít, những túp lều tranh, những bờ rào xanh tốt; những cây hoa-phượng cánh đỏ rực, rơi xuống đầy đường. Nay đây những gái mỹ-miệu, dáng đi nhẹ-nhàng nhanh-nhẹn dưới nắng gắt buổi trưa. Nay đây, thoáng một phút thấy cái giải nước sông Hương, được âu-yếm bởi

nhieu nhà thi-sĩ. Nay đây, trên mé
tường nhà ga, chữ « Hoa », đọc là Huế
đã hiện rành-rành.

Trước nhà ga, một người cô-nhân
là anh Phạm Giao đứng đợi. Giao là
bạn học của tôi từ ngày còn học trường
Tri-trị Hà-nội, hai chúng tôi lúc ấy độ
lên chín hoặc lên mười—Giao ra ga đón
tôi, thật là một cái nhĩ-ý tôi cảm-động.

Cùng nhau lên xe, xe chạy mau
dưới nắng giữa trưa; cảnh cũ lại đây,
nào phố-phường cây-cối, nào kỷ-
niệm-đài, nào sông Hương êm-lặng
hững-hờ, lại bao nhiêu cây hoa phượng
đỏ, rồi đến sáu dịp cầu qua sông, trên
cầu rộn-rịp xe, người. Qua cầu rẽ sang
tay trái, mấy bước đã tới một cái dinh-
thự, xưa kia là dinh-thự của cụ quận
Hoàng Thái-Xuyên, sau đổi làm nhà
thư-viện, mà bây giờ thì cái bình-
phong xây trước cửa, cái rặng cây
rườm-rà, lại là chỗ ở của một nhà
văn nguyên trước làm chủ nhiệm tờ
tạp-chí mà tôi sẽ xếp đặt lại, của một
nhân-vật có cái số-phận lạ lùng—nhất
ở nước An-Nam ngày nay, của một
quan Thượng-thư bận việc và chịu
gánh nhiều trách-nhiệm nhất trong
các vị Thượng-thư của Nam-triều,
của một nhà chính-trị An-Nam, hiện
nay người ta phẩm-bình một cách náo-
nhiệt nhất, kẻ khen kẻ phục cũng
nhiều, người dị-nghị cũng lắm, mà
người dị-nghị vu-vơ càng lắm; nhưng
chính nhà chính-trị ấy thì bình-tĩnh
mà tận-tâm với việc làm, với ý-tưởng,
với tư-tưởng quốc-gia: người đó, là
ông Phạm Quỳnh vậy.

II

Mấy lần tiếp chuyện Thượng-Chí tiên-sinh

Tôi được thừa-tiếp Thượng-Chí
tiên-sinh lần thứ nhất cách đây bốn

năm rồi. Độ ấy tôi mới về nhà Tân Dân
xuất bản quyển sách thứ nhất của tôi,
Pages Françaises. Tập văn-sách của kẻ
thư-sinh, cho ra đời mục-dịch để lấy
tiếng cho ban tù-tài bản-xứ và trường
Bưởi. Do đấy, mà hóa ra bước vào làng
văn, cũng là một sự thối-nhiên vậy. Cho
nên tôi vẫn không dám coi thường
những sự tình cờ, dù có lẽ nói rằng
không cần đến những cái hạnh-ngộ thì
có vẻ anh-hùng! Nhưng một người như
văn-sĩ GÖTTE mà cũng còn công-nhận
rằng ta không nên coi thường những
« trường hợp », đó là một chứng-cớ đủ
cho tôi tin vào những sự tình-cờ. — Vậy
quyển *Pages Françaises* ra đời, ông
Phạm Quỳnh hạ-cổ viết bài bình-luận
khen trong *France Indochine* đả-kẻ thư-
sinh là « một nhà văn tương-lai » đả
những bài văn-sách viết ở nhà trường
kia là những lời văn khiến cho làng văn
có hi-vọng. — Lẽ nào tôi chẳng lấy làm
vui, lấy làm cảm-động, lấy làm cảm ơn?

Một sự tình cờ nữa, khi ấy tôi lại
là láng giềng ông Phạm. Tôi vừa thôi
học ở trường Bưởi, từ giã quan Đốc
Autigeon rất tốt và các thầy giáo tôi
rất mến, như bà BRACHET, ông PUJAR-
NISCLE, về sang chuyên học Triết-học
bên trường A. Sarraut, luôn thể tôi liền
hở cái đời lưu học-sinh, mà ra trọ học
ở ngoài phố. Thuê cái nhà số 36 hàng
Da cũ, tôi ở đó hầu nghiêm-đường đã
vì tôi mà ra làm thuốc ở Hà-nội để
trông nom gìn-giữ cho tôi. Thượng
Chí tiên-sinh và tạp-chí *Nam-l'Hong*
thì ở số 5 cùng phố ấy. Vậy một buổi
chiều đi học ở Lycée về, tôi liền tìm
sang nhà tiên-sinh để cảm ơn.

NGUYỄN-TIẾN-LĂNG

(Còn nữa)

—== ĐỜI SÙNG ĐẠN ==—

■

Một truyện trinh-thám mạo-hiểm hồi Âu-chiến (1)

■

IV

Nguyên bác-sĩ Cát-Lễ được tin điện-thoại của Lệ-Ti, liền đem bốn năm người cảnh-binh đến, nghe thấy tiếng Lệ-Ti kêu, vội-vàng đẩy cửa nhưng cửa khóa, bèn phá cửa mà vào. Đến phòng đọc sách thấy Mạch-Hải đang bóp cổ Lệ-Ti ở dưới đất, bác-sĩ kinh-ngạc, liền sai cảnh-binh bắt Mạch-Hải. Mạch-Hải vùng chạy toan trốn, nhưng bọn cảnh-binh đuổi theo bắt được. Bác-sĩ Cát-Lễ thân-hành đỡ Lệ-Ti dậy, Lệ-Ti trở vào Mạch-Hải mà nói :

— Đáng thương cho người này, chỉ vì hiểu lầm một chút mà đánh tôi như thế, các ông đừng làm khó-khăn gì nữa ta. Hẳn ta chỉ vì nhiễm nhiều chất độc của rượu quá, tổn-thương đến óc nên mới mất cái bản-tính đi như thế, phải cho vào viện cấm rượu mới được. Vậy nhờ các ông bắt hẳn ta vào viện rồi cưỡng bách bắt chừa rượu đi, vì hẳn ta là một người rất có quan-hệ với quốc-gia đây.

Bác-sĩ Cát-Lễ nhận lời. Bọn cảnh-binh thấy xác của thám-tử Đức trên mặt đất lấy làm lạ, bèn hỏi Lệ-Ti, Lệ-Ti nói :

— Đó là tên thám-tử của Đức đến đây để hành-thích chúng tôi, bị chúng tôi giết chết. Tôi là thám-tử của bộ trinh-thám đây. Việc này các ông cứ

mặc tôi xử-lý, nhưng xin các ông giữ bí-mật cho.

Bấy giờ Mạch-Hải mới biết rằng Lệ-Ti quả là người của bộ trinh-thám, mà cái việc thám-tử Đức định ám-sát không can-thiệp gì đến nàng, mới rất lấy làm hối-hậu và xấu-hổ.

Bọn bác-sĩ Cát-Lễ chào Lệ-Ti rồi dẫn Mạch-Hải đi.

Viện cấm rượu là của chính-phủ Hoa-kỳ lập ra, chuyên để giam những đồ-dê của Lưu-Linh, lấy cường-quyền bắt phải chừa rượu. Cơ-sở của viện rộng-rãi to-tát, tường cao và dày bao-bọc chung quanh, cửa bằng sắt và có khóa rất là kiên-cố, lại hai người lính gác sùng canh gác ngày đêm, những người nghiện rượu phải giam ở trong ấy nếu không có lệnh của ông viện-trưởng thì không ai được ra khỏi, chẳng khác gì ở nơi ngục-thất. Mạch-Hải vào đây được ở một căn phòng sạch-sẽ, phạm những sự tổn-phí đều do Lệ-Ti chịu cả, sự sinh-hoạt đều được đầy-đủ chu-chi, duy có rượu là không được uống một hớp nào mà thôi. Mạch-Hải vẫn lấy điều ấy làm khổ lắm, hàng ngày cứ đi quanh-quần ở vườn hoa nói làm nhảm luôn mồm, mỗi khi nghĩ đến cái mùi men thơm ngon thì lại giở dãi.

(1, Xem Nam-Phong từ số 197.

Một hôm, Mạch-Hải sự nghĩ ra một kế. Chàng đợi có người cu-li đi qua bên cho nó tiền và nhờ nó mua rượu họ. Quả-nhiên nó đem đến cho một chai rượu, Mạch-Hải mừng lắm, giấu ngay vào trong áo, định để đến đêm thuya vắng-vẽ là uống. Nhưng ông lão già què chân cũng bị giam ở trong viện ngồi gần đấy bảo chàng rằng :

— Phàm những rượu của bọn người làm trong này đưa cho đều không nên uống, vì trong rượu ấy đều hòa thuốc chữa rượu, uống vào thì trong bụng đau-dớn rồi hề trông thấy rượu là sợ. Đó là cái kế của viện, những người mới vào không biết đều mắc lừa cả. Tôi thấy ông vào đây cũng chữa hao lâu nên bảo cho ông biết, ông nên cẩn-thận.

Mạch-Hải nghe nói sợ-hãi tình-ngộ, bèn lấy chai rượu giấu ở trong áo ra, ném ngay xuống cái hồ ngay trước mặt. Một tiếng đánh bồm, mặt nước tỏa ra một vòng tròn lan rộng mãi, Mạch-Hải đứng ngậy người ra nhiau như có ý tức và buồn.



Thầy thuốc Cù-Lợi-Á là một lão già độ 50 tuổi, mở phòng khám bệnh ở số 113 đường Bối-cầm, tiếng tăm không được mấy người biết, chẳng qua lão treo biển thầy thuốc là để che tai mắt mọi người chứ thực ra lão là linh-tu của một chi-bộ trình-thám Đức.

Lệ-Ti ngẫu-nhiên nhặt được ở bên cạnh viên thám-tử Đức E 22 một mảnh giấy bí-mật có quan-hệ đến lão, nên hôm ấy, nàng thân-bảnh đến đường Bối-cầm nấp ở gần nhà lão để dò xét. Một lúc Cù-Lợi-Á ra, Lệ-Ti liền đi theo sau, thấy lão ta vào một hàng bảo-chế, nàng cũng tiếp gót vào theo. Lợi-Á rút ra một mảnh giấy đặt lên trên bàn, Lệ-Ti liếc mắt nhìn qua, bất-giác

kinh-ngạc, thì ra trong mảnh giấy ấy kê hai chữ... nhân-ngôn. Mua được thuốc rồi, Lợi-Á vội-vàng ra ngay, Lệ-Ti hồi-hồi nghĩ ngợi một lúc rồi cũng đi ra.

Chiều hôm ấy, Lợi-Á đang ngồi ở bàn giấy trước những đống giấy mà cao đến hàng mấy tấc thì người bồi vào đưa cho một cái thư. Mở ra xem thì là thư của thám-tử 22 :

Ông Cù-lợi-Á

Có việc cần-ấp phải trực-tiếp với ông, vậy 8 giờ tối hôm nay mời ông lại khách-sạn Mông-đặc đường Bạch-lạp-lan, xin đừng chậm-trễ.

E. 22

Lợi-Á xem xong, trong tâm lấy làm lạ, nghĩ thầm rằng E 22 quả muốn nói truyện với mình thì sao không đến tận đây mà lại ước đến một chỗ xa-xôi đến mười mấy dặm ? Nhưng lại nghĩ rằng hay là E 22 viết thư như thế là có tình ý riêng gì chẳng, chi bằng thư đi đến trước giờ hẹn thì mới ngờ có thể khám-phá được. Thế rồi, cơm chiều xong, đồng-hồ trên tường mới kêu bày tiếng, Lợi-Á đã vội-vàng đánh xe đi đến chỗ hẹn. Có ngờ đâu rằng thám-tử 22 đã chết về viên đạn của Mạch-Hải rồi, mà bức thư kia chỉ là bức thư đánh lừa của Lệ-Ti mà thôi.

Lợi-Á ra khỏi nhà độ 15 phút, tức thì có một người con gái trẻ qua cửa sổ vào phòng giấy của lão lục-lợi tìm-tòi đống giấy mà trên bàn giấy. Người con gái ấy, chẳng phải nói độc-giả cũng biết trước là Lệ-Ti. Lệ-Ti chợt tìm thấy một phong-thư từ viện cấm rượu gửi đến, nàng biết ngay rằng phong thư ấy tất có quan-hệ đến Mạch-Hải chứ chẳng không, mới mở ra xem, thì bức thư ấy dài lắm, nhưng lời lẽ ngô-nghe chững có nghĩa gì cả, mà xét ra chữ

ở bức thư này cũng không phải là chữ bi-mật riêng. Nàng lấy làm lạ lắm, nghiên-cứu mãi mà không biết làm thế nào cho hiểu được. Ngẫu-nhiên nàng lại cầm lấy bức thư khác xem, mới nhận ra rằng bức thư nào cũng có một cái vạch chéo từ góc nọ sang góc kia, nhưng cũng không biết cái vạch ấy dùng để làm gì. Sau chợt nghĩ ra, nàng mới lấy bức thư ở viện cấm rượu gửi đến, cũng vạch một cái từ góc nọ chéo sang góc kia, rồi nàng đọc những chữ nào có cái vạch đi qua liền thành một bức thư :

Cái lòng muốn uống rượu của Mạch-Hải chưa thật hết, nay có thể nhân đây mà giết nó được. Xin gửi ngay cho một gói nhân-ngôn vào trong viện, để thực-hành ngay đêm hôm nay. Ông có thể ngồi đợi tin chết của Mạch-Hải được.

Lệ-Ti xem xong kính-hải, rút đồng hồ ra xem đã 8 giờ rồi. Nàng sợ rằng Mạch-Hải bị quân gian hãm-hại cứ không kịp chẵn, mới vội-vàng gọi giầy nói đến bảo Mạch-Hải :

— Ông Mạch-Hải ! Có người muốn bỏ thuốc độc vào rượu để hãm-hại ông, vậy bất cứ ai, nếu cho ông rượu thì ông chớ có uống.

Chẳng ngờ Mạch-Hải ở dần giầy kia đáp lại rằng :

— Tôi đã lâu không được uống rượu, thèm đến chết mất, nếu ai cho, tôi uống ngay, chết cũng không sợ.

Lệ-Ti nghe nói giật mình, muốn nói nữa để khuyên can. Nhưng Mạch-Hải đã bỏ ống nói mà đi rồi. Lệ-Ti liền ném ống nói xuống bàn, lại nháy qua cửa sổ ra xe hơi, bảo tài-xế mở hết tốc-lực đến viện cấm rượu.

Tối hôm ấy, sau khi cơm tối xong, Mạch-Hải ngồi một mình ở trong phòng, buồn-bực lắm. Chợt ông lão già que

chân ở phòng bên cạnh ngồi trên cái ghế có bốn bánh xe do một người đầy tớ đẩy sang chơi. Trông thấy Mạch-Hải, ông lão nói :

— Chào ông, ông ngồi ro-rô trong phòng thế này có buồn không ?

— Buồn lắm !

— Tôi ngồi một mình cũng buồn nên sang đây nói chuyện phiếm với ông cho vui.

Mạch-Hải gật đầu :

— Thế thì bay lắm.

Ông lão già nói hết chuyện nọ đến chuyện kia, Mạch-Hải chỉ ăm-ừ đáp qua-los, chừ bụng dạ còn ở đâu đâu. Một lúc tên đầy tớ của ông lão đi ra, trong phòng chỉ còn có hai người, ông lão mới lấy ở trong bọc ra một chai rượu, giơ cho Mạch Hải xem rồi cười khà khà nói :

— Tôi biết ông chưa vô-tình với ma-men, nên hôm nay có chai rượu ngon đem sang, ông có muốn uống không ?

Mạch-Hải trông thấy chai rượu vui sướng quá, cầm ngay lấy mở nút ra kê vào miệng toan tu, sực nghĩ đến lời dặn trong giầy nói của Lệ-Ti mới đem lòng ngờ không dám uống vội, bèn đưa chai rượu cho ông lão bắt ông ta uống trước. Ông lão ngạc-nhiên, nhưng muốn cho Mạch-Hải khỏi ngờ, mới cầm lấy chai rượu, song mới giơ lên toan uống lại bỏ xuống, gượng cười nói với Mạch-Hải :

— Tôi đem rượu sang thết ông, có lẽ nào chủ lại uống trước khách bao giờ ? Xin mời ông lấy trước.

Mạch-Hải ngồi thấy mùi men ngon-ngọt thơm-tho, nước dãi giở ra, chẳng nghĩ gì đến lời của Lệ-Ti nữa, cầm lấy chai rượu vừa kê vào miệng toan uống thì cánh cửa mở toang ra, một người

con gái sẵn-sở chạy vào quát lên, làm cho Mịch-Hải giật mình quay lại, thì ra Lệ-Ti.

Lệ-Ti đi xe hơi đến viện, vào xin phép bác-sĩ rồi chạy đến phòng Mịch-Hải, vào lúc Mịch-Hải sắp sửa tu chai rượu. Lệ-Ti trông thấy vội giơ tay lên vẫy, vừa thỏ vừa nói: — Đứng uống!... Đứng uống!... Thuốc độc đấy.

Lệ-Ti vừa nói rút lời, ông lão già què biết rằng mưu mình đã bại-lộ, mới từ trên ghế nhảy xuống xông ra đánh Lệ-Ti. Lệ-Ti nhanh chân, nhảy lên đá một cái trúng ngay vào ngực ông lão, ông lão ngã lăn xuống đất, vừa ngóc dậy toan chạy thì Lệ-Ti đã rút súng ra bắn cho một phát ngã lăn ra chết liền ở đất. Lệ-Ti trông đến Mịch-Hải, thấy Mịch-Hải dang đứng giơ chai rượu lên rồi ngửa mặt lên trời mà nói: — Rượu!... Rượu ngon!... Trời ơi!... A! Bí-mật của quân Đức!

Nói đến đây, Mịch-Hải kê chai rượu vào môi, há mồm ra. Lệ-Ti sợ quá, nguy thay, Mịch-Hải sẽ chết về rượu độc bây giờ!...

Nhưng, Lệ-Ti là một người khôn ngoan ít có. Giữa lúc Mịch-Hải sắp tu chai rượu, nàng biết rằng chạy đến mà dâng ra tất-nhiên không kịp, mới chĩa súng ngắm vào chai rượu bắn một phát, chai rượu ở tay Mịch-Hải vỡ toang, rượu chảy xuống đất lênh-láng.

Mịch-Hải giật mình sợ hãi, Lệ-Ti chạy đến vỗ vào vai chàng mà yên-ủi:

— Uống thuốc độc để khỏi khát, người khôn không ai thế. Rượu này là thuốc độc của quân gian chế ra, nếu ông tham mà uống vào thì ông coi thường cái tinh-mệnh ông quá. Ông Mịch-Hải ơi! ông nên biết rằng thân ông có quan-hệ lớn với tổ-quốc, sao ông vẫn giữ mãi cái lòng chán đời mà coi thường cái chết thế.

Lệ-Ti trong khi nói, tình ý khẩn thiết, nước mắt thương thương rơm-rớm, khiến cho Mịch-Hải cảm-động mà lấy làm hối-hận, chỉ cúi đầu không nói gì. Lệ-Ti bèn cáo từ đi ra.

Lệ-Ti đi rồi, Mịch-Hải đứng ngây người ra như người mất hồn, một lúc rồi tắt đèn đi ngủ. Lén giường nằm trần-trọc mãi không ngủ được, đến lúc đồng-hồ đánh ba giờ, chàng mới mệt quá mới mơ-màng vào một giấc chiêm-bao. Chàng thấy quân tướng Đức nhiều lắm, người nào cũng cầm một chén rượu giơ lên mời chàng cùng uống. Mùi rượu thơm-tho đưa vào mũi, chàng làm cho chàng thêm-thường giấc dãi, đã toan đi lên cùng uống, sau lại chợt nghĩ quân Đức là cứu-địch với nước mình, mà mời mình uống rượu tất là không có cái ý tốt, biết đâu lại chẳng phải thuốc độc để hại mình hay sao. Nghĩ thế mới ngằn-ngại không muốn đi lên nữa, chẳng ngờ bọn quân Đức lại nhìn Mịch-Hải mà cười lớn. Mịch-Hải tức lắm, sẵn lên toan đánh bọn quân Đức, thì giật mình tỉnh dậy, mới biết rằng mình vẫn nằm ở trên giường.

Lúc hấy giờ đêm đã khuya, bốn bên đều im lặng, chỉ có tiếng đồng-hồ tích-tắc ở trên tường mà thôi. Mịch-Hải nằm ở trên giường phàn-ván nghĩ-ngợi, chàng nghĩ thầm: Lệ-Ti với ta thực không có quan-hệ gì, không quen biết nhau, lại là một người con gái, mà từng bao nhiêu lần vì lòng nghĩa-biết cứu cho ta khỏi nơi nguy-hiểm, lại đem những lời êm-ái khuyên-bảo ta, khiến cho ta biết yên-miền đến tổ-quốc, thực là đáng cảm-khích vô-cùng. Nếu ta còn mê-muội không biết tỉnh-ngộ, còn ham muốn rượu chè, không lấy gì đáp lại tổ-quốc, đáp lại Lệ-Ti thì ta thực là một loài động-vật loài máu

lạnh vậy. Nghĩ đến đây mồ-hôi trán toát ra, chàng vừa xấu hổ vừa hối-hận, mới ngửa mặt lên trời thề rằng từ hôm nay xin nghe lời trung-cáo của Lệ-Ti không uống rượu nữa. Lập ý đã định, trong lòng mới hơi yên rồi ngủ thiếp đi.

Một hôm Lệ-Ti ở bộ trình-thám nhận được thư của bác-sĩ Cát-Lễ là viện-trưởng viện cấm rượu bảo rằng Mạch-Hải đã chữa được rượu rồi, đến trưa hôm sau có thể ra khỏi viện được và mời Lệ-Ti đến. Lệ-Ti xem thư xong, đề thư lên trên bàn thì Khắc-Tư mở cửa vào, thấy phong thư ở trên bàn liền cầm lấy xem. Xem xong, vui về bảo Lệ-Ti:

— Trưa mai có nên đến viện cấm rượu để dò xét những điều đại bí-mật của Mạch-Hải đã biết, công ấy của cô không phải là nhỏ.

Lệ-Ti thấy Khắc-Tư xem bức thư có ý không bằng lòng, chỉ trả lời qua rằng phải. Một lúc Lệ-Ti về, Khắc-Tư lập-tức đứng dậy ra gọi giầy nói có vẻ giấu giếm bí-mật, xong rồi lại về phòng giầy của mình.



Chiều hôm ấy, chi-bộ trình-thám thứ nhất của Đức ở Mĩ mở một cuộc hội-nghị ở Lỗ-Lan y-viện. Viên bộ-trưởng của chi-bộ ấy là Lỗ-Lan y-sĩ. Lỗ-Lan ngồi ở bàn giấy, những nam nữ thám-tử đứng cả ở chung quanh rất là im lặng nghiêm-trang. Lỗ-Lan nói:

— Tôi vừa mới được người bạn báo cho biết rằng trưa mai Lệ-Ti thân-hành đến đón Mạch-Hải ở viện cấm rượu, thực là một cơ-hội tốt cho đảng ta. Nay đối với việc này tôi có một kế-sách, chẳng biết các anh em đây có cho là phải không?

Nói đến đây, Lỗ-Lan nhìn đến Phật-Lai. Phật-Lai lúc ấy đang nắm tay một

nữ-dăng-viên là La-Na, mà không để ý đến lời Lỗ-Lan nói, khiến cho Lỗ-Lan nổi giận, bảo với La-Na:

— Từ rày chị có dự hội thì phải đeo mạng che mặt, chẳng có Phật-Lai hắt cứ về về chị không để ý gì đến tôi nói cả.

La-Na nghe nói đỏ mặt lên, liền buông cái mạng che mặt xuống. Phật-Lai cũng thẹn, ngồi nghe nhìn thin-thắt không dám tây-máy nữa. Lỗ-Lan mới đem cái kế-hoạch đã dự-định sẵn nói cho mọi người nghe, ai nấy đều lấy làm phải, Lỗ-Lan căn-kể dặn mọi người đến mai cứ thế thi-hành, đừng để hỏng việc, rồi tuyên-bố giải tán. Các đảng-viên rải-rác ra về, còn Phật-Lai lại khoác tay La-Na cùng đi.

Trưa hôm sau, Lệ-Ti từ nhà đi xe đến viện cấm rượu. Ra đến ngoài ô, đường đi rất là vắng-vẻ. Chính lúc xe đang chạy nhanh, Lệ-Ti chợt thấy đảng trước mặt một người ở trong rừng bèn về đường chạy ra rồi ngã lăn ra giữa đường. Lệ-Ti vội bảo tài-xế hãm xe lại rồi thân-hành xuống xem. Người tài-xế cũng xuống xe, vừa đi đến bên cạnh người ấy thì hốt-nhiều bị người ấy vùng dậy túm lấy ngực rồi đâm đá túi-hụi. Lệ-Ti kinh-ngạc, biết ngay rằng trùng-kế, quay mình toan chạy, nhưng trong rừng ủa ra vô-số thám-tử Đức vây lại đánh Lệ-Ti. Lệ-Ti tuy khỏe nhưng quả bất địch chúng, rút lại bị bọn này bắt được. Trong khi ấy, viên tài-xế cũng bị đánh bất-tình nhân-sự nằm lăn ở đấy. Đảng thám-tử Đức lột lấy bộ quần áo, rồi quăng người tài-xế vào một xô rừng. Một thám-tử Đức mặc bộ quần áo ấy, đem Lệ-Ti lên xe rồi mở máy cho xe chạy. Thế là Lệ-Ti bị bắt.

Lệ-Ti bị bắt rồi, La-Na mới y như kế đã định sẵn, mạo-danh là Lệ-Ti gọi giầy nói đến bác-sĩ Cát-Lễ, nói

Máng hôm qua nhận được thư của bác-sĩ nói rằng Mạch-Hải trưa hôm nay có thể ra khỏi viện được, lấy làm mừng lắm. Nhưng tiếc rằng hôm nay bạn có việc cần không thể đến được, nên đặc-cử người bạn là Phật-Lai đến đón Mạch-Hải, và Phật-Lai sắp đến viện rồi, xin bác-sĩ cứ giao Mạch-Hải cho người ấy. Bác-sĩ Cát-Lê tin là thật, mới cho gọi Mạch-Hải đến bảo cho biết là như thế. Giữa lúc hai người đang nói chuyện với nhau thì tên đầy-tớ cầm cái danh-thiếp vào, nói rằng có người xin tiếp-kiến. Bác-sĩ xem danh-thiếp quả thực là tên Phật-Lai mới bảo mời vào. Một lúc Phật-Lai bước vào, ngả mũ mỉm cười cúi chào, thái-độ rất là khiêm-tốn hòa-nhã. Lời Phật-Lai nói cũng hợp như lời trong giấy uoi, nên bác-sĩ lại càng tin không nghi-ngại gì, tức thì giới-thiệu Mạch-Hải cho Phật-Lai. Phật-Lai xin đem Mạch-Hải ra, bác-sĩ bèn vỗ vào vai Mạch-Hải bảo rằng:

— Từ nay trở đi, một giọt rượu nào ông cũng không nên uống nữa. Nếu không nghe thì bệnh cũ lại phát đấy, ông phải cẩn-thận.

Mạch-Hải vâng, rồi cùng với Phật-Lai chào bác-sĩ đi ra.

Đi một lúc lâu, qua một hàng rượu, Phật-Lai rún vai cười gằn nói với Mạch-Hải:

— Ông Mạch-Hải ơi, tôi thích rượu lắm, tôi muốn vào hàng này uống mấy cốc rượu, ông có bằng lòng không?

Mạch-Hải lắc đầu:

— Thế ông không nghe thấy bác-sĩ Cát-Lê nói lúc nãy ư? Tôi đã chữa rồi kia mà!

Phật-Lai vội-vàng nói:

— Không, tôi có dám mời ông uống đâu, ông đừng hiểu lầm. Đó là tôi bảo ông vào giám-thị cho tôi chẳng có tôi vui chén say quá chẳng đấy chứ.

— Thế thì được, tôi vào với ông cũng không hại gì.

Phật-Lai mừng lắm, kéo Mạch-Hải vào hàng mua một chai rượu, từ từ rót vào cốc rồi giơ lên uống, làm ra dáng ngon lành sung-sướng lắm. Mạch-Hải quay mặt nhìn ra chỗ khác, lấy thuốc lá ra quấn một điếu hút. Phật-Lai sực nghĩ ra một kế, cũng lấy thuốc lá ra quấn một điếu rồi mượn điếu thuốc của Mạch-Hải để xin lửa. Mạch-Hải vô-tình, tự-nhiên đưa điếu thuốc cho Phật-Lai. Phật-Lai thừa lúc Mạch-Hải không trông thấy, lấy rượu ở cốc phiết vào điếu thuốc rồi đưa trả Mạch-Hải. Mạch-Hải cầm lấy điếu thuốc hút, chợt thấy có hơi men, nhìn đến điếu thuốc mới biết cái mưu gian của Phật-Lai muốn làm cho mình biết hơi men rồi thềm tắt phải uống, mà uống biết đâu lại chẳng trúng phải thuốc mê, hay là say quá có điều gì phun ra hết, mới tức mình ném điếu thuốc xuống đất rồi bước đảo toan ra. Phật-Lai sợ hãi vội chạy ra ngăn lại và hỏi:

— Ông định đi đâu?

Mạch-Hải gắt:

— Tôi có tự-do của tôi, đi đâu việc gì đến anh mà anh hỏi. Anh bảo anh là đại-biểu của cô Lệ-Ti có thật không?

— Thật, thật.

— Anh nói láo, tôi không thể tin anh được.

Nói rồi Mạch-Hải lại toan đi, Phật-Lai lại ngăn lại, Mạch-Hải cá giận dấm cho một cái thật mạnh, Phật-Lai ngã xuống đất không thể dậy được nữa. Mạch-Hải mới ngang-nhiên ra khỏi nhà hàng rồi đi. Hồi lâu Phật-Lai mới đứng lên được, lấy làm phẫn-uất lắm, vội-vàng sai người đến báo cho La-Na biết để thi-hành kế thứ hai.

(Còn nữa)

Tùng-Toàn dịch

VĂN = UYÊN

THƠ CỔ

Hải-thượng Đỉnh-trai tiên-sinh thi-tập (1)

XXII

Phong-cảnh tỉnh Thanh-hóa

Vó cầu đủng-đỉnh cõi Thanh-huê,
Phóng nhỡn coi chơi cảnh cũng bề ;
Sơn thủy đền Sông hơi chùa Liễu,
Cung đình cầu Bồ dấu vua Lê ;
Hang Tì, động Chích trời xây khéo,
Bãi Hạc, cồn Rồng đất đẹp ghê !
Ngọc-nữ này đâu ra đứng đó,
Trông ai mà lại ngảnh bên Vê.

XXIII

Phong-cảnh Nghệ-an

Đường hoa lững - thững ngựa dưng
Uớm hỏi châu này cảnh với nhân ; [chân,
Quỳnh-tụ, Quỳnh-đôi, trai sự-nghiệp,
Non Hồ, non Liễu, gái thanh-tân ;
Giang-sơn chỉ chót thô cùng mí,
Phong-vật cho nên chất quá văn ;
Chữ « tỉnh » khen ai đem đặt liếng,
Ta nghe thấy tiếng thấy linh-thần.

XXIV

Đề đền Sông

Sơn thủy bày ra cảnh tự-nhiên,
Bồng-lai cung-khuyết khéo xây nên ;
Hoa hương ngào-ngạt thông ngăn lại,
Đàn phách vang lừng trúc mùa lên ;
Sắc lững đời đời phong chữ Thánh,
Văn châu buổi buổi tụng câu Tiên ;
Uy-linh khắp tỏa trời nam bắc,
Thượng-đẳng xưa nay một bức truyền.

XXV

Núi Chông-mâm

Chông-mâm đâu đó đứng treo leo,
Đã mấy đời nay đá mốc-meo ;

Hôm đặt lớp trên dè lớp dưới,
Vương tròn tầng thấp nổi lừng cao ;
Giang-sơn một thể ai bày sẵn,
Hoa trúc mười hàng mặc xếp nhau
Mấy bước thang mây ta đã quyết !
Ngồi lên mâm nhất rượu ta kèo.

XXVI

Núi Chiếu-đũa

Chiếu đũa kia kia đũa của ai ?
Đũa ra đứng đó mấy mươi đời ;
Giang-sơn cắm giữa trong trời rộng,
Hình-tượng so lên trước bề khơi.
Ỗ rập xẻ mâm phong-nguyệt thử,
Hay toan xóc gành kiếm-cung chơi ;
Khen ai chạm trở đà nên khéo,
Đũa ấy xinh sao đáng thợ trời

XXVII

Đề đền vua Lê ở làng Bồ-vê

Nou nước qua chơi hỏi mới tường,
Kia Thần-sơn đó nọ Hương-giang ;
Dấu thiêng dấu cũng sinh thần thánh,
Phát phúc trời cho đã để vương ;
Dư bốn-trăm năm còn dấu ngọc,
Hai-mươi-tám vị những ngai vàng ;
Nhân-tám thiên-lý xưa nay một,
Nghĩ-ngút đền lâu tỏa khói hương.

XXVIII

Núi Ngọc-nữ

Ngọc-nữ đâu ra đứng mới linh,
Sơn-hình coi chẳng khác nhân-hình ;
Mà đào một sắc in rêu bạc,
Mây liễu đời hàng diêm vết xanh ;
Đoái tỏ sao không bền vững gót,
Trông ai mà lại ngảnh nghiêng mình ;
Xưa nay trời đất thương trên gheo,
Cái kiếp hồng-nhan những mỏng-manh.

(1) Tập thơ này nguyên-văn chữ nôm đã cũ, không biết đích tên Đỉnh-Trai tiên-sinh là gì, song xét trong tập thơ có bài « gặp quan Tổng-đốc Nguyễn Công-Trứ » và bài « họa thơ tự-thơ của ông Trứ » thì biết tiên-sinh là người đồng-thời với ông Trứ vào khoảng đời Minh-mệnh Tự-đức.

VĂN KIM

Nhảy đầm phú

(Lấy văn: Mẹ ơi con muốn nhảy đầm)

Có một cô:

Ở chốn thị-thành; con nhà bề-thế.
 Rất mực phong-lưu; ơn nhờ cha mẹ.
 Xem cô chẳng có vẻ thẹn-thò; nhìn
 cô rõ ra người mới-mẽ.

Áo mại quần trắng hề bảnh-bao,
 phấn trát son bôi hề đẹp-đẽ.

Rẽ lệch đường ngói chi mái tóc, bỏ
 rất kỳ khôi; cười nhe trắng nhơn chi
 hàm răng, nói pha mách-quẻ.

Ông Nguyệt-lão cầm cân nảy mực,
 duyên lứa đôi tơ đố chữa xe; phận nữ-
 nhi kén cá chon canh, tuổi vài chục
 xuân xanh có lẽ.

Hỡi cô kia ơi!

Đương buổi tân-thời.

Kia trông em chị; đủ ngón ăn chơi.

Trai đành phải biết đây biết đó; gái
 cũng đua khoe sức khoe tài.

Ngon phong-trào mặc sức đua chen,
 ra tuồng gái mới; nền phong-hóa tha
 hồ đồ nát, chẳng sợ ai cười

Thối cỡ-nhân gia-pháp rất nghiêm,
 ngoài vòng tứ-đức tam-tông, gái không
 phải gái; buổi kim-thế nữ-quyền mở
 rộng, mất chữ tự do bình-dẳng, đời
 sao là đời

Như cô:

Đào thơ liễu yếu; má phấn môi son.

Hãy còn son-sẻ; chưa có chồng con.

Chưa biết hết điều hay điều dở; đã
 biết đâu ai đại ai khôn.

Hắn chẳng ưa băng-tuyết chi phong,
 gìn vàng gĩa ngọc; chừng chỉ thích
 trắng-hoa chi thối, chỉ bề thề non.

Việc lễ-gia chưa phải trông nom,
 linh thế ấy cảnh thế ấy; cuộc hành-lạc
 không nơi tiêu-khiến, ăn sao ngon ngủ
 sao ngon?

Cớ tr thị:

Cơm tối đã xong; soi gương ngắm va-đốt.

Ra về liễn-thư; rất màu chải-chuốt.
 Bước chân lên xe hề đến nhà «đăng-
 xính»; bắt tay chào bạn hề trông cô
 đứng «mốt».

Qui-khách vương-tôn hợp mặt, vui
 thật là vui; giai-nhân tái-lử gian tay,
 muốn ai thì muốn.

Dưới bóng điện tay ôm chầm chập,
 ôm thế nào cho mệt cho mê; theo nhịp
 kèn chân nhảy rập-rình, nhảy rõ thật
 đến nơi đến chốn.

Trai nào gái ấy, lão-nhào lão-nhào;
 chông nọ vợ kia, lớn-nha lớn-nhỏ.

Đôi mắt rợn hữu-tinh chi sóng, ngà-
 ngà nghiêng-nghiêng; hai bên đương
 đắc-ij chi thời, đầy đầy dún-dún.

Hắn có nghĩ:

Cái giá theo sau; đời người được mấy!

Gái cỡ gái kim; thời nào thời ấy.

Bây giờ phá: dạn như ruồi; không
 thể cứ rít như cây

Đem mình ngọc đến nơi «khiêu-vũ»,
 dún thì dún mà ôm thì ôm; lui gót vàng
 về chốn thâm-khuê, đây vẫn đây mà
 đây vẫn đây

Lối áp-chế trong gia-đình đáng bỏ,
 người làm sao mà ta những làm sao;
 sống văn-minh từ ngoại quốc tràn sang,
 trai biết nhảy dè gái không biết nhảy!

Thưa ôi!

Con gái An-Nam,

Cũng biết nhảy đầm.

Óc đành đổi mới; đường đã đi lầm!

Đương buổi giao-thời hề làm trò giải-
 trí! đến đỗi đô-hội hề làm nổi thương-
 tâm!

Nữ-giới chi văn-minh hề chỉ thấy
 có võ; nữ-giới chi tự-do hề nay đã mọc
 mầm

Cứ như xưa ngọc trắng gương
 trong, lòng ao-ước ai là chủ có; đã đến
 nổi hoa lương liễu ngộ, miệng khen
 chê cô thử nghĩ thềm.

Tương-giang-thị

THỜI-ĐÀM

PHÁP

Bài diễn-văn thứ ba của quan thủ-tướng Doumergue.

Từ ngày nội-các liên-hiệp thành-lập đến giờ, ông DOUMERGUE đã đọc diễn-văn hai lần để tuyên-bố công-việc của chính-phủ với quốc-dân. Hôm 16 Juillet vừa rồi ông lại đọc bài diễn-văn thứ ba do máy truyền-thanh truyền đi khắp trong nước. Trong bài diễn-văn ấy, ông có tuyên-bố:

«... Thị-trường tiền-tệ mỗi ngày thêm khà. Từ đầu tháng mars, 5 triệu rưỡi vàng đã vào nước Pháp. Công-quĩ tăng lên. Cuộc cải-cách thuế-má đã thay đổi một chế-độ cũ vừa nặng nề vừa khó-khăn, rất trở-ngại cho sự khuếch-trương nền kinh-tế. Chính-phủ đã tránh được cái nạn phải đóng các công-quĩ và đồng tiền bị mất giá. Nền tài-chính chấn-chỉnh thêm, nên nội-các đã trừ cho nông-nghiệp nhiều khoản tiền lớn giúp các nhà điền-chủ bán thóc lúa mùa gặt này cho có lợi. Nội-các lúc nào cũng đề ý đến việc bài-trừ nạn thất-nghiệp, nên đã thảo chương-trình các việc công-tác có ích cho tỉnh-thành và thôn-quê. Nội-các săn-sóc đến việc canh-phòng cương-giới, không để những kẻ có ý xâm-lấn vượt qua vào nổi. Chúng tôi rất trọng hòa-bình, rất muốn giữ cuộc hòa-bình. Vừa đây ông BARTHOU đi du-lich nhiều nước tức là chứng cho thiên-hạ biết rằng nước Pháp thành-thực cộng-lạc hợp với công-cuộc hòa-bình...»

Nước Pháp sắp phát-hành cuộc công-thải 3.000 triệu

Ông GERMAIN MARTIN, Tổng-trưởng bộ Tài-chính, có quyết-định phát-hành một cuộc công-thải 3.000 triệu quan. Trái-phiếu 1.000 quan sẽ giá là 950 quan. Những trái-phiếu này sẽ hoàn lại trong hạn 50 năm, mỗi phiếu được 400 quan tiền thưởng.

Trong năm nay không có tập trận.

Trước có tin năm nay nước Pháp có cuộc tập trận lớn, nhưng quan Thống-chế PÉTAİN, tổng-trưởng bộ Chiến-tranh, vừa ra lệnh rằng theo chính-sách tiết-kiệm thì trong năm 1934 này bãi tất cả các cuộc tập trận đi. Các đạo quân chỉ tập luyện như thường thôi.

Việc Stavisky.

Trải mấy tháng rồi mà việc Stavisky vẫn chưa có kết-quả. Ủy-ban điều-tra mới đây có hỏi mấy nhân-vật trọng-yếu như các ông: TARDIEU, nguyên thủ-tướng; LAVAL, tổng-trưởng bộ Thuộc-địa; MATMEU, nguyên tổng-trưởng bộ Nội-vụ trong nội-các Tardieu.

Ông TARDIEU buộc tội cho ông nguyên thủ-tướng CHAUTEMES rằng ông CHAUTEMES biết rất rõ vụ này, nhưng vì muốn lấp việc này đi nên mới bày đặt ra chuyện kia chuyện nọ. Ngay từ trước tháng Septembre 1933 ông CHAUTEMES đã biết cả những công việc của STAVISKY mà ông không hạ lệnh bắt tên bọm ấy. Ông lại vận-động cho STAVISKY tâu-thoát và tìm hết cách che-chở cho

Tình-thế Trung Nhật.

Chính-phủ Tàu từ khi giao-thiệp với Nhật, thành-lập hiệp-định Đường-cổ, tạm đình-chiến mặt Hoa-bắc. Từ đó lại nhóm lên giao-thiệp về vấn-đề thông-xa, trải qua một năm trời nay rồi, chính-phủ Trung-ương còn nghĩ đến quyền-lợi của quốc-gia mãi không giải-quyết ra sao. Nay vì người Nhật, lấy uy-lực dọa già, người Tàu sợ mà phải làm cho xong ngay vấn-đề ấy, hiệp-định thông-xa đã ký rồi, xe hỏa Bắc-bình chạy suốt Thâm-dương đã bắt đầu khai-hành từ ngày 1^{er} JUILLET này rồi, thế là mưu của người Nhật đã đắc-thắng.

Dân-chúng Trung-hoa ai cũng lấy việc ấy làm căm-tức, nên hôm sau ngày xe chạy là mồng 2, tại ga Trà-đình, trên xe bỗng có quả bom nổ, một người học-sinh Tàu chết, còn hành-khách bị thương nhiều. Người ta cho tiếng bom ấy là tỏ ý phản-đối việc thông-xa.

Về bên người Nhật thì nay lại làm trái hẳn hiệp-uớc Đường-cổ. Hiện nay ở trong Trường-thành tại nhiều nơi như Mã-lan-cốc hay Triệt-hà-kiều, quân Nhật và quân Mãn vẫn còn đóng chưa chịu rút đi, mà lại cấm người Tàu ăn mặc binh-phục không được vào trong Trường-thành 50 dặm.

Bộ Hải-quân Nhật vừa rồi lại triệu-tập cuộc hội-nghị quyết-định chính-sách đối với Trung hoa, định đem hải-quân Nhật từ nay đối với miền Trường-giang và miền Hoa-nam quyết dùng thế làm oai, lực-quân trừ mười vạn người vẫn đóng ở miền Hoa-bắc, lại kén thêm hai sư-đoàn chia đóng thêm ở các nơi miền Hoa-bắc làm hậu-viện cho việc ngoại-giao.

Người Nhật lại lấy cơ là tiêu-trừ thổ-phỉ, tấp-nập cho quân kéo đến đóng ở Mãn-châu-lý, kỳ-thực họ muốn mở

mang về làm-sản và khoáng-sản, thứ nhất là chuẩn-bị để đánh nhau với Nga.

Gần đây Nhật ra lệnh cho bộ Quân-chính Mãn-châu thực-hành việc mộ lính rất gấp ở mặt Đông-bắc cốt là để phòng sẵn về việc đối phó với Nga sau này, nên cái tin Nhật-Nga chiến-tranh lại càng đồn lên sôi-nổi.

Các yếu-nhân Tây-nam thấy tình-thế trong nước ngày càng nguy-ngập, nên trong cuộc hội-nghị ở Quảng-châu nhân có Hà Kiên chủ-tịch Hồ-nam vàng mệnh Tướng Giới-Thạch đến đó cùng yếu-nhân hai tỉnh Quảng bàn định về việc định hợp sức tiêu Cộng. Bạch Sung-Hy tổng chỉ-huy quân Quảng-tây xướng-nghị năm tỉnh miền tây-nam là Quảng-đông, Quảng-tây, Hồ-nam, Vân-nam, Qui-châu nên thực-hành cuộc liên-phòng, lấy tỉnh Quảng-đông làm trung-tâm việc quốc-phòng ở miền Tây-nam, khi một tỉnh nào có việc biến-cổ, thì bốn tỉnh kia phải lập tức giúp đỡ về quân-sự.

Hiện đã điện hỏi ý chủ-tịch Vân-nam là Long Vân, chủ-tịch Qui-châu là Vương Gia-Liệt và mời Long, Vương dự vào cuộc liên-phòng ấy.

Hiện-thế quân Nghĩa-dũng Đông-bắc

Quân Nghĩa-dũng Đông-bắc gần đây lại thấy đua nhau hoạt-động rất dữ. Bộ-hạ Trần Đông-Son có hơn vạn quân ngầm phục ở Bật-son và một dải đất Thiết-sái ở phía Hắc-long-giang; bộ-hạ Lưu Hóa-Nam cũng hơn vạn người, ngầm phục ở trong núi sau tỉnh Hưng-yên. Ngoài ra những toán hai ba trăm người thì chỗ nào cũng có, chuyên việc phá-hoại các đường giao-thông.

Toán quân Nghĩa-dũng ở Ninh-cổ-thập bộ-hạ Phi Long-Vân thì đánh úp quân Nhật là bộ-hạ Hoành-Điền.

Quân Nghĩa-dũng ở phía đông Cát-lâm hiện lại ra sức phản-công hai quân Nhật Mãn, lại đánh đổ cả toa xe ở trên đường Trung-đông, khi gần đến Nhật-diện-pha. Mạnh nhất là toán quân của Lý Đổ lại nổi lên ở Hồ-lâm và An-đông, do Tô-Nga huấn-luyện, cho về đề phòng sau này Nga đánh nhau với Nhật thì

lấy đoàn-quân đó làm một vây cánh.

Quân Nhật thấy quân Nghĩa-dũng càng ngày càng ra sức hoạt-động, nên đã mở cuộc Nhật-Mãn quân-sự trọng-yếu hội-nghị ở kinh-dô Trường-xuân, chia miền đông-bắc làm bảy khu cảnh-bị, đề phòng quân Nghĩa-dũng một cách rất nghiêm.

VIỆC TRONG NƯỚC

Sửa lại lệ săn - bắn ở Đông-dương. — Theo đạo Sắc-lệnh ngày 27 Juin 1934, thì từ nay nếu ai không có giấy phép mang súng đạn, giấy phép săn-bắn, môn-bài săn-bắn, và không phải mùa săn-bắn, thì không được săn-bắn ở trong cõi Đông-dương.

Những chủ đồn-diền không có giấy phép, có thể được săn-bắn ở trong giới-hạn đồn-diền của mình.

Những người có giấy phép, không được quyền săn-bắn ở những đất tư, đất làng, đất của hội nào mà có cắm mốc rõ-ràng.

Một du-học-sinh đỗ Văn-khoa Tiên-sĩ. — Những du-học-sinh ta ở Pháp, mới đây có ông Nguyễn Văn-Huyền (quán ở Hà-nội) đỗ được Văn-khoa Tiên-sĩ. Ông Huyền hiện còn ở lại làm giáo sư dạy tiếng Việt-Nam tại trường Viễn-đông ngôn-ngữ bên Pháp.

Quan Thống-đốc thưởng cho một cậu học-sinh 300 đồng bạc. — Cậu học-sinh Trần Hữu-Phương mới rời đều đỗ đầu trong hai khoa thi Thành chung và Tiểu-học Tây ở Sài-gòn, nên quan Thống-đốc thưởng cho 300 đồng bạc để đi du-lịch trong mấy tháng hè.

Lập hội-đồng đề-phòng bệnh sùng màng-óc. — Theo nghị-định quan quyền Toàn quyền ngày 11 Juillet 1934, quan Thống-sứ Bắc-kỳ đã cử

một hội-đồng tại Hà-nội để nghiên-cứu về bệnh sùng màng-óc hay phát-sinh về đầu mùa hạ và đề tìm cách đề-phòng bệnh ấy. Viên quan nắm thầy thuốc MARQUE giám-đốc nhà thương de Lannessan làm hội-trưởng.

Quan Toàn-quyền đã tới Sài-gòn. — Ngày 23, quan Toàn-quyền ROBIN và quan phó Toàn-quyền CHÂTEL đáp tàu d'Artaignan từ Pháp đã sang lối bến Sài-gòn. Các quan-chức văn-võ ra bến đón rước Ngài về qui-phủ ở phố Norodom rồi làm lễ chúc mừng. Ngài đáp lại và có lược kể những chương-trình của Ngài sắp làm.

Ngài còn ở lại Sài-gòn đến đầu tháng Aout này mới ra Hà-nội.

Quan phó Toàn-quyền CHÂTEL thì đáp sang tàu Claude chappe ra Hà-nội trước để sắp đặt việc nghênh-tiếp quan Toàn-quyền hồi đầu tháng Aout này.

Quan Toàn-quyền Robin được lưu-chức. — Quan Toàn-quyền ROBIN trước khi nhậm chức thực-thụ Toàn-quyền cõi Đông-dương thì Ngài đã đến hạn về hưu-trí, nên đức Giám-quốc LEBRUN mới hạ Sắc-lệnh lưu-chức quan Toàn-quyền một năm kể từ ngày 6 Aout 1934 này.

Ấn-diện của quan Toàn-quyền. — Nhân dịp quan Toàn-quyền ROBIN nhậm chức Thủ-hiến xứ Đông-dương này, Ngài có ban ấn cho tội-nhân ở



Photo Gouvernement Général

M. Robin, Gouverneur Général
de l'Indochine

khắp xứ Đông-dương hoặc được ân-xá hoặc ân-giảm, cả thảy 1.389 người. Trong số đó có 617 người thuộc chính-trị-phạm, còn là thường phạm cả.

Một vụ làm giấy bạc giả có dính-lưu mấy vị quan hưu. — Mới rồi sở Liêm-phóng có xét một đám bị vu-cáo là làm giấy bạc giả ở Gia-lâm mà khám-phá được một bọn vẫn làm giấy bạc giả ở Hòa-bình là Vũ Xuân-Nùng, tên Trương, tên Phương, tên Cai-Đà và có liên-can đến quan Tuần-phủ hưu-tri Phạm Bá-Rong, quan Án-sát bị bãi Đinh Công-Huy, em ông Huy là Đinh Công Niết. Việc này còn đương đòi hỏi tra xét ở Hòa-bình.

Sắp có hai thứ tem Bảo-đại và Monivong. — Chính-phủ Đông-dương đã đặt cho nhà in bên Pháp in hai thứ tem cho dân ta dùng : Một thứ tem có hình đức Bảo-đại, và một thứ tem có hình vua MONIVONG nước Cao-miên.

Chính-phủ Pháp tặng cho vua Cao - miên chức Thiệu-tướng. — Theo lời thỉnh-cầu của quan Toàn-quyền ROBIN, chính-phủ Pháp tặng cho vua MONIVONG nước Cao-miên chức Thiệu-tướng (Général de Brigade).

Đức Bảo đại tặng quan Khâm-sứ Thibaudeau long-bội-tinh và quan Phó Toàn-quyền Châtel kim-bài. — Ngày 24 Juillet, đức Bảo-đại có đặc-mệnh quan Đại-nội nghị-lễ với một đội lính rước một đạo bằng phất-hạng Long-bội-tinh từ Đại-nội qua tòa Khâm-đề tặng cho quan Khâm-sứ THIBAUDEAU về dịp Ngài về Pháp nghị. Buổi lễ đức Bảo-đại làm lễ gắn nhất-hạng Long-bội-tinh cho quan Khâm-sứ THIBAUDEAU tại điện Cấn chánh.

Ngày 25, đức Bảo - đại đặc-mệnh quan Thượng-thư bộ Công Tôn-thất Quảng đem tám kim-bài vào Tourane để tặng mừng quan CHÂTEL về dịp Ngài

phó-nhiệm chức phó Toàn quyền Đông-dương này.

Quan quyền Toàn-quyền Graf-feuil đã nhiệm chức Khâm-sứ Trung-kỳ. — Ngày 28 Juillet, quan quyền Toàn-quyền GRAFFEUIL đã từ Huế nhiệm chức Khâm-sứ Trung-kỳ.

Giới-thiệu sách và báo

Cổ-lâu-mộng — Là một cuốn tiểu-thuyết của ông Ngạc-am Võ Liêm Sơn biên-tập, hai quyển thượng và hạ, quyển thượng 132 trang quyển hạ 126 trang, in tại nhà in Tân-Dân Hà-nội, giá 1 \$ 00.

Bảo-an y-báo. — Bảo-an y-báo là một cơ-quan truyền bá y học Thái-tây, mỗi tháng ra một số 32 trang giá 15 xu. Bác-sĩ Luyện làm chủ-nhiệm, Bác-sĩ Chương làm chủ-bút, báo-quán ở số 167 Boulevard Henri d'Orléans Hà-nội.

NAM-PHONG TÙNG-THU

(Bán ở Đông-kinh Ấn-quán, mỗi quyển giá 4 hào hay 5 hào, ở xa tiền cước ngoài)

Mời xuất-bản :

Tuồng Lối-xích. giá 4 hào.

Xuất-bản từ trước :

- | | |
|--------------------------------------|--------|
| 1. — Văn-minh-luận | 4 hào. |
| 2. — Ba tháng ở Paris | 4 hào. |
| 3. — Văn-học nước Pháp | 4 hào. |
| 4. — L'idéal du Sage | 4 hào. |
| 5. — Chính-trị nước Pháp : | |
| Quyển thứ I | 4 hào. |
| Quyển thứ II | 5 hào. |
| 6. — Khảo về tiểu-thuyết | 4 hào. |
| 7. — Lịch-sử thế-giới | 4 hào. |
| 8. — Le Paysan Tonkinois | 4 hào. |
| 9. — Lịch-sử và học-thuyết VOLTAINRE | 4 hào. |
| 10. — Phật-giáo đại-quan. | |
| (In lần thứ hai) | 6 hào. |
| 11. — La Poésie annamite. | 4 hào. |
| 12. — Tục-ngữ ca-dao. | 4 hào. |